

NỘI DUNG CÔNG KHAI
CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 1721/QĐ-YDHP ngày 05 tháng 7 năm 2025 của
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin chung:

a. Tên trường (bao gồm cả tiếng nước ngoài):

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tiếng Anh: Hai Phong University of Medicine and Pharmacy

b. Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng

c. Loại hình và cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học công lập trực thuộc Bộ Y tế

d. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

* Sứ mạng:

"Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo".

* Tầm nhìn:

"Phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khỏe có chất lượng, uy tín, định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế".

* Giá trị cốt lõi: "Chuyên nghiệp - Hội nhập - Hiệu quả"

* Triết lý giáo dục: "Lấy người học làm trung tâm - Lấy người bệnh làm trung tâm - Vì sức khỏe cộng đồng"

e. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1979, Trường được thành lập ban đầu từ cơ sở 2 của Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng.

Năm 1985, Cơ sở 2 của Trường Đại học Y Hà Nội được phát triển thành Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng trực thuộc Trường Đại học Y Hà Nội.

Năm 1999, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 06/1999/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng trên cơ sở Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng.

Ngày 11 tháng 11 năm 2013, Trường Đại học Y Hải Phòng được đổi tên thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng theo quyết định số 2153/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

f. Người đại diện phát luật/người phát ngôn: PGS.TS. Nguyễn Văn Khải - Hiệu trưởng

2. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập/chia tách/sáp nhập: NQ số 158/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Ban hành Quy định về thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể đơn vị Trường Đại học Hải Phòng

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường: Số 3944/QĐ-BYT ngày 15/09/2020 của Bộ y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020-2025

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

TT	HỌ TÊN	CHỨC DANH	CHỨC VỤ
1	PGS. TS. Phạm Văn Linh	Chủ tịch	Bí thư ĐU
2	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Thư ký	Trưởng khoa YHCT
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Khải	Thành viên	Hiệu trưởng
4	PGS.TS. Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	Chủ tịch công đoàn trường
5	PGS.TS. Phạm Văn Mạnh	Thành viên	Phó hiệu trưởng
6	PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai	Thành viên	Phó hiệu trưởng
7	TS. Nguyễn Hải Ninh	Thành viên	Trưởng phòng TCCB
8	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	Trưởng khoa Dược học
9	TS. Vũ Mạnh Tân	Thành viên	Phó trưởng Khoa Y
10	PGS.TS. Phan Lê Thu Hằng	Thành viên	Phó VT vụ kế hoạch tài chính
11	TS. Nguyễn Trọng Diện	Thành viên	Giám đốc Sở Y tế Quảng Ninh
12	TS. Trần Anh Cường	Thành viên	Giám đốc Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển – Uông Bí
13	TS. BSCKII. Nguyễn Quang Tập	Thành viên	CT HĐ quản lý bệnh viện VT
14	TS. Nguyễn Bá Phước	Thành viên	GD Bệnh viện Kiến An
15	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	TGĐ Công ty Dược phẩm CPC1
16	SV. Nguyễn Thị Thuý Trang	Thành viên	UV BCH ĐTNCS HCM

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, phân công Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.

Nghị quyết Số 18/NQ-HĐT-YDHP ngày 04/05/2021 về việc bổ nhiệm Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

Nghị quyết số 08/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 09/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

d. Quy chế tổ chức hoạt động của trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP ngày 02/02/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Nghị quyết số 01/NQ-HĐT-YDHP ngày 02/02/2021 ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quy chế tổ chức của các đơn vị trực thuộc Trường: Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng; Nghị quyết số 10/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hợp tác và Phát triển đào tạo; Nghị quyết số 10/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

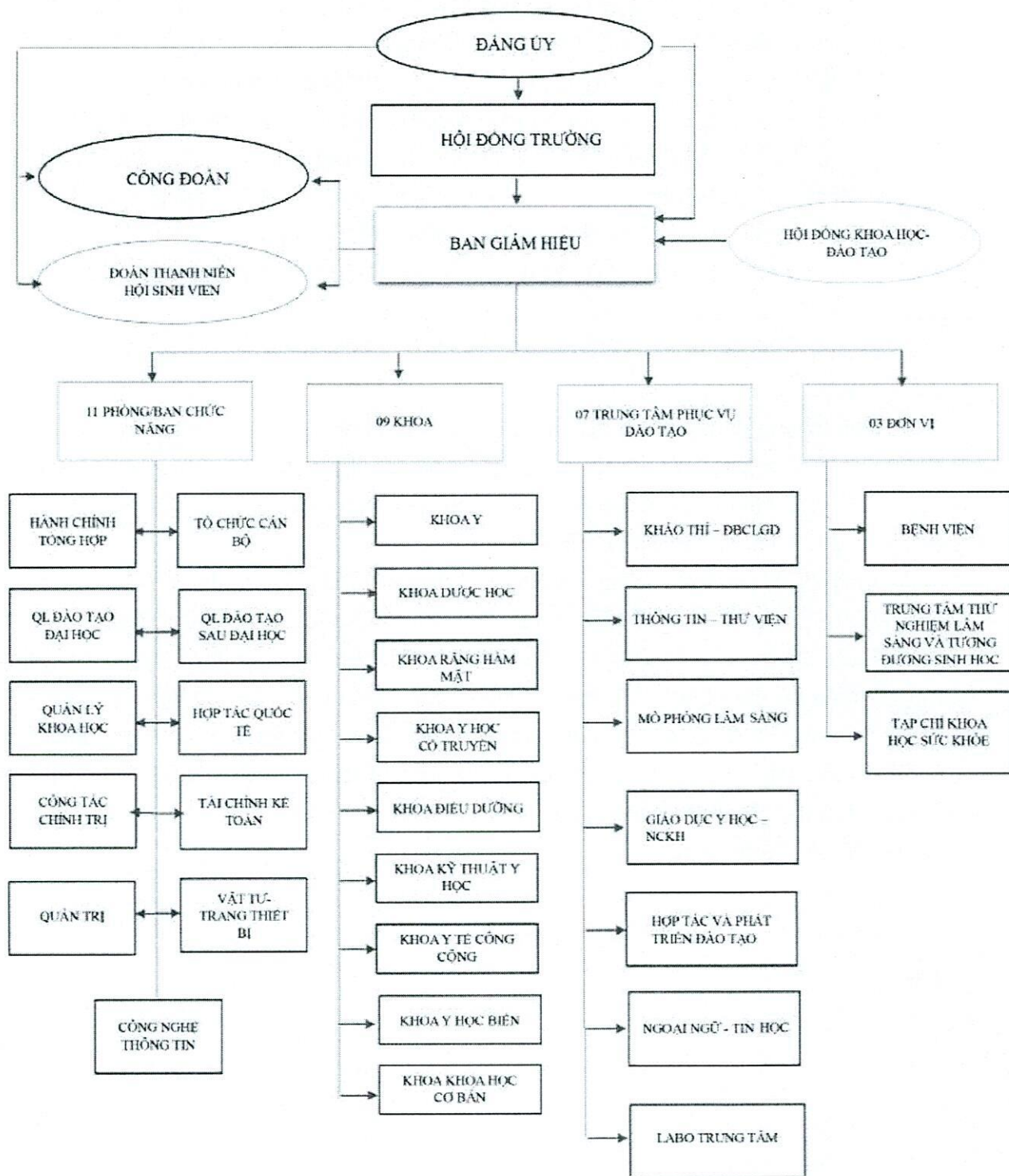
- Hiện nay Nhà trường có 11 phòng, 09 khoa, 08 Trung tâm, 01 Tạp chí và 01 Bệnh viện trực thuộc.

- Nhà trường đã thành lập Khoa Y, Khoa Khoa học cơ bản. Theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐT-YDHP ngày 25/01/2022 Thành lập Khoa Y, Nghị quyết số 48/NQ-HĐT-YDHP ngày 20/04/2022 Thành lập Khoa Khoa học cơ bản, Nghị quyết số 65/NQ-HĐT-YDHP ngày 15/11/2022 Thành lập Tạp chí Khoa học sức khỏe.

- Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị cấu thành: Quyết định số 1226/QĐ-YDHP ngày 28/07/2022 về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động các đơn vị của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Đến nay, Nhà trường đã cơ bản hoàn thiện dự thảo Quy định mới về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Dự thảo này đã được Đảng ủy Nhà trường thống nhất thông qua. Tuy nhiên, do hiện tại chưa kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng Trường nên Quy định vẫn chưa thể chính thức ban hành.

e. Sơ đồ cơ cấu tổ chức.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG



f. Quyết định thành lập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc/trực thuộc Trường

NQ số 120/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 của Trường Đại học Y Dược HP về việc sáp nhập Ban thanh tra -pháp chế vào phòng công tác chính trị

NQ số 127/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 của Trường Đại học Y Dược HP về việc sáp nhập Khoa Dị ứng – Miễn dịch vào Khoa Da liễu -truyền nhiễm của Bệnh viện Đại học Y HP

NQ số 128/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 của Trường Đại học Y Dược HP về việc sáp nhập Khoa Dinh dưỡng vào Phòng Điều dưỡng của Bệnh viện Đại học Y HP

g. Danh sách các cán bộ lãnh đạo trường, lãnh đạo đơn vị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ email	Nhiệm vụ, trách nhiệm
1	PGS.TS Phạm Văn Linh	Chủ tịch Hội đồng trường		pvlinh@hpmu.edu.vn	
2	PGS.TS Nguyễn Văn Khải	Hiệu trưởng		nvkhai@hpmu.edu.vn	
3	PGS.TS Đinh Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo		dtthanhmai@hpmu.edu.vn	
4	PGS.TS Phạm Văn Mạnh	Phó Hiệu trưởng, Giám đốc Trung tâm Hợp tác và phát triển đào tạo		pvmạnh@hpmu.edu.vn	
5	PGS.TS Nguyễn Thị Thắm	Trưởng phòng Quản lý đào tạo đại học		nttham@hpmu.edu.vn	
6	TS. Phạm Thanh Hải	Trưởng phòng Quản lý đào tạo sau đại học		pthai@hpmu.edu.vn	
7	TS. Hoàng Thị Giang	Trưởng Khoa Y tế công cộng		htgiang@hpmu.edu.vn	
8	KS. Lưu Mạnh Hùng	Trưởng phòng Quản trị		lmhung@hpmu.edu.vn	
9	TS. Nguyễn Hải Ninh	Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ		nhninh@hpmu.edu.vn	
10	TS. Nguyễn Hùng Cường	Trưởng khoa Kỹ thuật y học		nhcuong@hpmu.edu.vn	

STT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ email	Nhiệm vụ, trách nhiệm
11	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng Phòng Vật tư - Trang thiết bị		nnquynh@hpmu.edu.vn	
12	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp		ntatuyet@hpmu.edu.vn	
13	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện		nthnhung@hpmu.edu.vn	
14	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Giám đốc Trung tâm Giáo dục, Y học- Nghiên cứu khoa học		nttbinh@hpmu.edu.vn	
15	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng khoa Y học cổ truyền		ntthien@hpmu.edu.vn	
16	PGS.TS Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng khoa Dược học		ntthuphuong@hpmu.edu.vn	
17	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng phòng Tài chính kế toán		nttduong@hpmu.edu.vn	
18	BSCKII. Phạm Thị Vân	Trưởng Khoa Khoa học cơ bản		ptvan@hpmu.edu.vn	
19	ThS. Trần Quốc Trình	Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		tqtrinh@hpmu.edu.vn	
20	TS. Trần Thị An Huy	Trưởng khoa Răng Hàm Mặt		tahuy@hpmu.edu.vn	
21	ThS. Vũ Quang Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị		vqtuyen@hpmu.edu.vn	
22	TS. Phạm Thành Nguyên	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và QLCLGD		ptnguyen@hpmu.edu.vn	

STT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ email	Nhiệm vụ, trách nhiệm
23	TS. Phạm Thị Vân Anh	Giám đốc Trung tâm Mô phỏng lâm sàng		ptvananh@hpmu.edu.vn	

h. Hệ thống văn bản quản lý (chiến lược, quy định, quy chế, Nghị quyết Hội đồng trường,...)

Nghị quyết số 112/NQ-HĐT-YDHP ngày 26/04/2024 về việc Thông qua đề án sử dụng tài sản công của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 122/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 về việc Thông qua phương án chi trả chế độ hỗ trợ thu nhập đối với viên chức, người lao động

Nghị quyết số 141/NQ-HĐT-YDHP ngày 28/10/2024 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Nghị quyết số 142/NQ-HĐT-YDHP ngày 28/10/2024 về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức người lao động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 151/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Nghị quyết số 152/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua kế hoạch tuyển dụng hợp đồng năm 2025

Nghị quyết số 153/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 154/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua kế hoạch tài chính năm 2025

Nghị quyết số 163/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/04/2025 về việc Thông qua Quy chế chấm công và trả lương đối với viên chức, người lao động

Nghị quyết số 155/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 157/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Ban hành Quy chế giám sát của Hội đồng trường

Nghị quyết số 158/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Ban hành Quy định về thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể đơn vị Trường Đại học Hải Phòng

Nghị quyết số 159/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Ban hành kế hoạch năm 2025 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Kết quả thu chi hoạt động

STT	Chi số thống kê	Số tiền (Triệu đồng)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	319.985
1	Thu ngân sách nhà nước	12.876
2	Thu sự nghiệp	300.016
a	Thu học phí	297.726
b	Thu sự nghiệp khác	2.289
3	Thu khoa học và công nghệ	7.094
a	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	1.284
b	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	5.810
4	Thu khác	
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	176.468
1	Chi lương và các khoản phụ cấp đóng góp theo lương	87.721
2	Chi miễn giảm, hỗ trợ chi phí học tập cho người học	6.647
3	Chi học bổng	12.733
4	Chi thuê chuyên gia, giảng viên trong nước	22.309
5	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ phục vụ hoạt động chuyên môn, quản lý	7.924
6	Chi các hoạt động khoa học và công nghệ	7.094
7	Các khoản chi khác	32.040
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	143.518

2. Khoản thu học phí đối với người học

a. Thu học phí

Đơn vị tính: Triệu đồng/năm

STT	Ngành	Học phí năm học 2023-2024		Học phí năm học 2024-2025	
		Sinh viên, học viên nhập học trước năm 2023-2024	Sinh viên, học viên nhập học năm 2023-2024	Sinh viên, học viên nhập học trước năm 2023-2024	Sinh viên, học viên nhập học năm 2023-2024
A	ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC				
I	Hệ chính quy				
1	Y khoa	27.600	35.000	35.000	45.000
2	Y học dự phòng	25.000	30.000	32.000	39.000

3	Y học cổ truyền	25.000	30.000	32.000	39.000
4	Dược học	27.600	35.000	35.000	45.000
5	Điều dưỡng	20.900	27.000	27.000	35.000
6	Răng - Hàm - Mặt	27.600	35.000	35.000	45.000
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.900	27.000	27.000	35.000
II	Liên thông chính quy				
1	Y khoa (TC-ĐH)	27.600	35.000	35.000	45.000
2	Dược học (TC-ĐH)	27.600	35.000	35.000	45.000
3	Dược học (CĐ-ĐH)	27.600	35.000	35.000	45.000
III	Vừa làm vừa học				
1	Điều dưỡng (TC-ĐH)	31.350	40.500	40.500	52.000
2	Kỹ thuật XNYH (TC-ĐH)	31.350	40.500	40.500	52.000
3	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	31.350	40.500	40.500	52.000
4	Kỹ thuật XNYH (CĐ-ĐH)	31.350	40.500	40.500	52.000
B	ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC				
I	Thạc sỹ, chuyên khoa cấp I, Bác sỹ nội trú				
1	Nhóm ngành Y, dược, Răng hàm mặt	41.400	52.500	41.400	68.000
2	Nhóm ngành khác thuộc khối ngành Sức khỏe (Điều dưỡng, Kỹ thuật Y học, Y tế Công cộng)	41.400	52.500	41.400	55.000
II	Tiến sỹ, chuyên khoa cấp II				
1	Nhóm ngành Y, dược, Răng hàm mặt	69.000	87.500	69.000	87.500
2	Nhóm ngành khác thuộc khối ngành Sức khỏe (Y tế Công cộng, Quản lý y tế)	69.000	87.500	69.000	87.500

b. Số dư quỹ theo quy định:

STT	Chỉ số thống kê	Số tiền (Triệu đồng)
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	87.611
2	Quỹ bổ sung thu nhập	19.864
3	Quỹ khen thưởng	910

STT	Chỉ số thống kê	Số tiền (Triệu đồng)
4	Quỹ phúc lợi	4.054
	TỔNG CỘNG	112.439

III. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU

1. Chuẩn cơ sở giáo dục:

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ số	Yêu cầu (*)	Mức đạt
1. Tổ chức và quản trị	1.1	Số tháng khuyết lãnh đạo chủ chốt	≤ 06	0
	1.2	Mức độ hoàn thiện văn bản theo Luật GDĐH	100%	100%
	1.3	Tỷ lệ các chỉ số hoạt động chính được cải thiện	$\geq 50\%$	59,7%
	1.4	Mức độ cập nhật dữ liệu quản lý trên HEMIS	100%	100%
2. Giảng viên	2.1	Tỷ lệ người học trên giảng viên	$\leq 40:1$	24,1
	2.2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	$\geq 70\%$	98,28%
	2.3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ - Đối với cơ sở GDĐH có đào tạo tiến sĩ không phải trường đào tạo ngành đặc thù	$\geq 20\%$ (30%) $\geq 40\%$ (50%)	26,72%
3. Cơ sở vật chất	3.1	Diện tích đất trên người học (m^2)	(≥ 25)	
	3.2	1. Diện tích sàn trên người học (m^2)	$\geq 2,8$	6,35
		2. Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	$\geq 70\%$	76,8%
	3.3	1. Số đầu sách trên ngành đào tạo	≥ 40	42,16
		2. Số bản sách trên người học	≥ 05	6,2
	3.4	1. Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến 2. Tốc độ Internet trên một nghìn người học (Mbps)	$\geq 10\%$ $\geq$ trung bình tốc độ mạng băng rộng cố định của Việt Nam	14,14% 128,6
4. Tài chính	4.1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	≥ 0 và $\leq 30\%$	33,94%
	4.2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	≥ 0	-7,62%
5. Tuyển sinh và đào tạo	5.1	1. Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	$\geq 50\%$	99,9%
		2. Tỷ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	$> -30\%$	-6,02%
	5.2	1. Tỷ lệ thôi học	$\leq 10\%$	1,12%
		2. Tỷ lệ thôi học năm đầu	$\leq 15\%$	4,29%
	5.3	1. Tỷ lệ tốt nghiệp	$\geq 60\%$	93,64%
		2. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	$\geq 40\%$	92,37%
	5.4	1. Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	$\geq 70\%$	92%
		2. Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	$\geq 70\%$	95,5%
	5.5	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm	$\geq 70\%$	92,1%

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ số	Yêu cầu (*)	Mức đạt
6. Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo	6.1	Tỉ trọng thu khoa học - công nghệ (chỉ áp dụng đối với cơ sở GDĐH có đào tạo tiến sĩ không phải trường đào tạo ngành đặc thù)	$\geq 5\%$	2,1%
	6.2	1. Số công bố trên giảng viên - Đối với cơ sở GDĐH có đào tạo tiến sĩ không phải trường đào tạo ngành đặc thù	$\geq 0,3$ $\geq 0,6$	0,6
		2. Số công bố WoS, Scopus trên giảng viên (chỉ áp dụng đối với cơ sở GDĐH có đào tạo tiến sĩ không phải trường đào tạo ngành đặc thù)	$\geq 0,3$	0,1

2. Ngành, chương trình đào tạo

a. Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động và thông tin chi tiết theo yêu cầu về điều kiện mở mã ngành đào tạo

TT	Tên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Điều kiện mở mã ngành đào tạo
1	Y khoa	6	Chính quy	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ
2	Y khoa	4	Liên thông chính quy	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ
3	Y học dự phòng	6	Chính quy	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ
4	Y học cổ truyền	6	Chính quy	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ
5	Răng Hàm Mặt	6	Chính quy	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ
6	Dược	5	Chính quy	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ
7	Dược	2	Liên thông chính	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ

TT	Tên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Điều kiện mở mã ngành đào tạo
			quy	
8	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4	Chính quy	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ
9	Điều dưỡng	4	Chính quy	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ
10	Điều dưỡng	2	Liên thông Vừa làm vừa học	Theo quy định chung tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ
11	Tiến sĩ	3-5 năm	Tập trung	Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.
12	Thạc sĩ	2 năm	Tập trung	Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.
13	Chuyên khoa cấp II	2 năm	Tập trung	Có đủ đội ngũ giảng viên có học hàm, học vị: Giáo sư, Phó Giáo sư, CKII hoặc Tiến sĩ 5 năm trở lên trong cùng chuyên ngành. Mỗi chuyên ngành phải có tối thiểu 3 giảng viên, trong đó giảng viên thỉnh giảng không quá 1/3 .
14	Chuyên khoa cấp I	2 năm	Tập trung	Có tối thiểu 3 giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ hoặc bác sĩ CKII cùng chuyên ngành đào tạo. Trong đó có thể có 1 giảng viên thỉnh giảng.
15	Bác sĩ nội trú	3 năm	Tập trung	Có tối thiểu 3 giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ hoặc bác sĩ CKII cùng chuyên ngành đào tạo. Trong đó có thể có 1 giảng viên thỉnh giảng.

b) Danh mục chương trình đào tạo đang thực hiện, thông tin chi tiết theo yêu cầu chuẩn

chương trình đào tạo.

T T	Tên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo		Chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu vào	Điều kiện thực hiện CTĐT
			Thời gian chuẩn CTĐT	Thời gian tối đa			
1	Y khoa	Chính quy	6	12	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuan-dau-ra-299/Quyet-dinh-ban-hanh-CDR-cac-CTDT-trinh-do-dai-hoc-Dot-ra-soat-danh-gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/	Theo quy định tuyển sinh hàng năm	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuong-trinh-chi-tiet-cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/CHUONG-TRINH-DAO-TAO-DAI-HOC-3080/
2	Y khoa	Liên thông chính quy	4	8	http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2018_04/chuan-dau-ra-2015.pdf	Theo quy định tuyển sinh hàng năm	http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2018_04/y-da-khoa-lien-thong-tin-chi.pdf
3	Y học dự phòng	Chính quy	6	12	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuan-dau-ra-299/Quyet-dinh-ban-hanh-CDR-cac-CTDT-trinh-do-dai-hoc-Dot-ra-soat-danh-gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/	Theo quy định tuyển sinh hàng năm	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuong-trinh-chi-tiet-cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/CHUONG-TRINH-DAO-TAO-DAI-HOC-3080/
4	Y học cổ truyền	Chính quy	6	12	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuan-dau-ra-299/Quyet-dinh-ban-hanh-CDR-cac-CTDT-trinh-do-dai-hoc-Dot-ra-soat-danh-gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/	Theo quy định tuyển sinh hàng năm	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuong-trinh-chi-tiet-cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/CHUONG-TRINH-DAO-TAO-DAI-HOC-3080/
5	Răng Hàm Mặt	Chính quy	6	12	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuan-dau-ra-299/Quyet-dinh-ban-hanh-CDR-cac-CTDT-trinh-do-dai-hoc-Dot-ra-soat-danh-gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/	Theo quy định tuyển sinh hàng năm	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuong-trinh-chi-tiet-cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/CHUONG-TRINH-DAO-TAO-DAI-HOC-3080/

T T	Tên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo		Chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu vào	Điều kiện thực hiện CTĐT
			Thời gian chuẩn CTĐT	Thời gian tối đa			
					gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/		TRINH-DAO-TAO-DAI-HOC-3080/
6	Dược	Chính quy	5	10	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuan-dau-ra-299/Quyết-dinh-ban-hanh-CDR-cac-CTDT-trinh-do-dai-hoc-Dot-ra-soat-danh-gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/	Theo quy định sinh năm tuyển hàng	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuong-trinh-chi-tiet-cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/CHUONG-TRINH-DAO-TAO-DAI-HOC-3080/
7	Dược	Liên thông chính quy	2	4	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuan-dau-ra-299/Quyết-dinh-ban-hanh-CDR-cac-CTDT-trinh-do-dai-hoc-Dot-ra-soat-danh-gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/	Theo quy định sinh năm tuyển hàng	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuong-trinh-chi-tiet-cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/CHUONG-TRINH-DAO-TAO-DAI-HOC-3080/
8	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Chính quy	4	8	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuan-dau-ra-299/Quyết-dinh-ban-hanh-CDR-cac-CTDT-trinh-do-dai-hoc-Dot-ra-soat-danh-gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/	Theo quy định sinh năm tuyển hàng	
9	Điều dưỡng	Chính quy	4	8	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuan-dau-ra-299/Quyết-dinh-ban-hanh-CDR-cac-CTDT-trinh-do-dai-hoc-Dot-ra-soat-danh-gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/	Theo quy định sinh năm tuyển hàng	
10	Điều dưỡng	Liên thông	2	4	http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuan-	Theo quy định tuyển	

T T	Tên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo		Chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu vào	Điều kiện thực hiện CTĐT
			Thời gian chuẩn CTĐT	Thời gian tối đa			
		Vừa làm vừa học			dau-ra-299/Quyết-dinh-ban-hanh-CDR-cac-CTDT-trinh-do-dai-hoc-Dot-ra-soat-danh-gia-va-cap-nhat-CTDT-nam-hoc-2022-2023-3415/	sinh năm	

c. Mẫu văn bản

TT	Tên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Mẫu văn bản
1	Y khoa	Chính quy	Bác sĩ (http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)
2	Y khoa	Liên thông chính quy	Bác sĩ (http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)
3	Y học dự phòng	Chính quy	Bác sĩ (http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)
4	Y học cổ truyền	Chính quy	Bác sĩ (http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)
5	Răng Hàm Mặt	Chính quy	Bác sĩ (http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)
6	Dược	Chính quy	Dược sĩ (http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)
7	Dược	Liên thông chính quy	Dược sĩ (http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)
8	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Chính quy	Cử nhân (http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)
9	Điều dưỡng	Chính quy	Cử nhân

TT	Tên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Mẫu văn bằng
			(http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)
10	Điều dưỡng	Liên thông Vừa làm vừa học	Cử nhân (http://hpmu.edu.vn/hpmu/uploads/news/2022_04/qd-741-mau-van-bang.pdf)

3. Danh mục hoạt động đào tạo liên tục, liên kết đào tạo

Stt	Tên khoá đào tạo	Thời gian đào tạo
I.	<i>Các khoá đào tạo liên tục, chuyên khoa cơ bản, kỹ thuật chuyên môn:</i>	
1	Chuyên khoa Tai Mũi Họng cơ bản	09 tháng
2	Khám nội soi Tai Mũi Họng	03 tháng
3	Nội soi Tai Mũi Họng cơ bản	03 tháng
4	Điều dưỡng chuyên khoa Tai Mũi Họng	06 tháng
5	Phẫu thuật cắt A-mi-đan-Nạo V.A	04 tháng
6	Nắn chỉnh răng cơ bản	03 tháng
7	Cấy ghép Implant nha khoa	03 tháng
8	Điều dưỡng nha khoa	06 tháng
9	Chuyên khoa Gây mê hồi sức cơ bản	09 tháng
10	Điều dưỡng gây mê hồi sức	06 tháng
11	Chuyên khoa Sản phụ khoa cơ bản	09 tháng
12	Soi - Đốt - Leep cổ tử cung	03 tháng
13	Siêu âm sản phụ khoa cơ bản	03 tháng
14	Siêu âm sản phụ khoa nâng cao	03 tháng
15	Đặt và tháo dụng cụ tử cung chứa Levonorgestrel	24 tiết
16	Tư vấn sàng lọc sau sinh	01 tháng
17	Cấy và tháo que tránh thai	24 tiết
18	Chuyên ngoại Ngoại khoa cơ bản	09 tháng
19	Chuyên khoa chấn thương chỉnh hình cơ bản	09 tháng
20	Y tế công cộng cơ bản	03 tháng
21	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh cơ bản	09 tháng
22	Cắt lớp vi tính tổng quát	03 tháng

Stt	Tên khoá đào tạo	Thời gian đào tạo
23	Siêu âm tổng quát	03 tháng
24	Siêu âm tổng quát 6 tháng	06 tháng
25	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn siêu âm	03 tháng
26	Kỹ năng phân tích hình ảnh X-quang thường quy	48 tiết
27	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ bản	03 tháng
28	Cộng hưởng từ tổng quát	03 tháng
29	Siêu âm Doppler Tim	03 tháng
30	Siêu âm Doppler Mạch máu	03 tháng
31	Kỹ thuật tiêm nội khớp, tiêm mô quanh gân dưới hướng dẫn siêu âm	05 tuần
32	Kỹ thuật tiêm khớp cơ bản	03 tháng
33	Chuyên khoa Nội khoa cơ bản	09 tháng
34	Điện tâm đồ	01 tháng
35	Điện tâm đồ cơ bản	03 tháng
36	Chuyên khoa Nhân khoa cơ bản	09 tháng
37	Điều dưỡng Nhân khoa	06 tháng
38	Điều dưỡng Nhân khoa (03 tháng)	03 tháng
39	Phẫu thuật Phaco	03 tháng
40	Tiêm nội nhãn	06 tuần
41	Nội soi tiêu hoá	06 tháng
42	Nội soi tiêu hoá nâng cao (Nội soi can thiệp)	03 tháng
43	Điều dưỡng nội soi tiêu hoá cơ bản	03 tháng
44	An toàn sinh học trong phòng xét nghiệm (ATSH cấp II)	40 tiết
45	Quản lý chất lượng trong phòng xét nghiệm y học	40 tiết
46	Chẩn đoán phân tử cơ bản	06 tháng
47	Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh	03 tháng
48	Phẫu thuật nội soi cơ bản	03 tháng
49	Chuyên khoa Nhi khoa cơ bản	09 tháng
50	Chuyên khoa Y học cổ truyền cơ bản	09 tháng
51	Xoa bóp bấm huyệt và VLTL	02 tháng

Stt	Tên khoá đào tạo	Thời gian đào tạo
52	Kỹ thuật YHCT cho điều dưỡng	06 tháng
53	Kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh thông thường	48 tiết
54	Phục hồi chức năng cơ bản	06 tháng
55	Vật lý trị liệu & Phục hồi chức năng	06 tháng
56	Chuyên khoa Tâm thần cơ bản	09 tháng
57	Điều dưỡng chuyên khoa Tâm thần	03 tháng
58	Tiếp cận chẩn đoán và rối loạn giấc ngủ	16 tiết
59	Tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy	16 tiết
60	Đào tạo liên tục cho người làm công tác dược lâm sàng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	120 tiết
61	Cập nhật chuyên môn về Dược	08 tiết
62	Quản lý điều dưỡng	03 tháng
63	Chăm sóc sức khoẻ ban đầu theo nguyên lý YHGD (Dành cho bác sĩ)	03 tháng
64	Chăm sóc sức khoẻ ban đầu theo nguyên lý YHGD (Dành cho điều dưỡng)	03 tháng
65	Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản	03 tháng
66	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	40 tiết
67	Tập huấn về y tế lao động	40 tiết
68	Sơ cấp cứu ban đầu	08 tiết
69	Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong khối ngành sức khoẻ	40 tiết
70	Sư phạm y học cơ bản	80 tiết
71	Quản lý bệnh viện	48 tiết
72	Quản lý chất lượng bệnh viện	48 tiết
73	Phương pháp nghiên cứu khoa học	48 tiết
74	Phân tích số liệu với phần mềm thống kê	48 tiết
75	Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế	24 tiết
76	An toàn tiêm chủng	24 tiết
77	Phòng, chẩn đoán và xử trí cấp cứu sốc phản vệ	24 tiết

Stt	Tên khoá đào tạo	Thời gian đào tạo
78	Nâng cao năng lực quản lý y tế tuyến cơ sở	48 tiết
79	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho cán bộ y tế	24 tiết
80	Lấy người bệnh làm trung tâm	24 tiết
81	Xây dựng chương trình và tài liệu đào tạo liên tục	48 tiết
82	Dinh dưỡng cơ bản	03 tháng
83	Dinh dưỡng lâm sàng	06 tháng
84	Tán sỏi ngoài cơ thể	01 tháng
85	Bệnh nghề nghiệp	03 tháng
86	Quản lý chất thải y tế	48 tiết
87	Điều dưỡng dụng cụ phẫu thuật	80 tiết
88	Quản lý và bảo trì trang thiết bị y tế	01 tháng
89	Quản lý tăng huyết áp và đái tháo đường tại tuyến y tế cơ sở	48 tiết
II. Các khoá bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức y tế:		
1	Bồi dưỡng chức danh Bác sĩ	05 tuần
2	Bồi dưỡng chức danh Bác sĩ YHDP	05 tuần
3	Bồi dưỡng chức danh Y tế công cộng	05 tuần
4	Bồi dưỡng chức danh Dân số	05 tuần
5	Bồi dưỡng chức danh Điều dưỡng	05 tuần
6	Bồi dưỡng chức danh Hộ sinh	05 tuần
7	Bồi dưỡng chức danh Dược sĩ	05 tuần
8	Bồi dưỡng chức danh Kỹ thuật y	05 tuần
III. Các khoá đào tạo khác		
1	CTĐT bổ sung kiến thức đối với người có bằng cử nhân y khoa do nước người cấp – ngành Y Khoa	18 tháng
2	CTĐT bổ sung kiến thức đối với người có bằng cử nhân y khoa do nước người cấp – ngành Răng Hàm Mặt	12 tháng
3	CTĐT bổ sung kiến thức đối với người có bằng cử nhân y khoa do nước người cấp - ngành Y Học Cổ Truyền	12 tháng

4. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

STT	Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên	Số lượng	Trình độ						Chức danh	
			Đại học	Bác sĩ nội trú	Thạc sĩ	Bác sĩ CKI	Tiến sĩ	Bác sĩ CKII	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	443	85	6	218	13	91	30	17	2
	Khoa Điều dưỡng	27	7		15		5		1	
	Khoa Dược học	28	3		16		7	2	1	
	Khoa Khoa học cơ bản	57			48		8	1		
	Khoa Kỹ thuật Y học	27	6		15	1	5			
	Khoa Răng Hàm Mặt	32	5		9	1	9	8		
	Khoa Y	217	55	6	88	11	42	15	11	2
	Khoa Y học biển	3			2		1			
	Khoa Y học cổ truyền	23	5		12		3	3		
	Khoa Y tế công cộng	24	2		11		10	1	4	
	Trung tâm Giáo dục Y học - Nghiên cứu khoa học	2	1		1					
	Trung tâm Mô phỏng lâm sàng	3	1		1		1			
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	432	84	6	217	13	82	30	12	0
	Khoa Điều dưỡng	27	7		15		5		1	
	Khoa Dược học	27	3		16		6	2	1	
	Khoa Khoa học cơ bản	57			48		8	1		
	Khoa Kỹ thuật Y học	27	6		15	1	5			
	Khoa Răng Hàm Mặt	32	5		9	1	9	8		
	Khoa Y	210	55	6	88	11	35	15	6	
	Khoa Y học biển	3			2		1			

STT	Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên	Số lượng	Trình độ						Chức danh	
			Đại học	Bác sĩ nội trú	Thạc sĩ	Bác sĩ CKI	Tiến sĩ	Bác sĩ CKII	PGS	GS
	Khoa Y học cổ truyền	23	5		12		3	3		
	Khoa Y tế công cộng	24	2		11		10	1	4	
	Trung tâm Giáo dục Y học - Nghiên cứu khoa học	2	1		1					
3	Cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	18	3		11		4		1	
4	Nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	184	97	0	64	2	3	1	0	0
	Khoa Điều dưỡng	4	3		1					
	Khoa Dược học	10	5		2					
	Khoa Khoa học cơ bản	8	8							
	Khoa Kỹ thuật Y học	5	3		1		1			
	Khoa Răng Hàm Mặt	6	6							
	Khoa Y	29	22			2				
	Khoa Y học cổ truyền	1	1							
	Khoa Y tế công cộng	2	1		1					
	Phòng công nghệ thông tin	5	2		3					
	Phòng Công tác chính trị	8	4		3					
	Phòng Hành chính tổng hợp	7	3		4					
	Phòng Hợp tác quốc tế	4	1		2		1			
	Phòng Quản lý Đào tạo Đại học	9	2		7					
	Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	5	1		2		1	1		
	Phòng Quản lý khoa học	3	3							

STT	Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên	Số lượng	Trình độ						Chức danh	
			Đại học	Bác sĩ nội trú	Thạc sĩ	Bác sĩ CKI	Tiến sĩ	Bác sĩ CKII	PGS	GS
	Phòng Quản trị	14	7		3					
	Phòng Tài chính kế toán	8	1		7					
	Phòng Tổ chức cán bộ	7	3		4					
	Phòng Vật tư - trang thiết bị	8	3		4					
	Tạp chí khoa học sức khỏe	1	1							
	Tổ Y tế cơ quan	3	2							
	Trung tâm Giáo dục Y học - Nghiên cứu khoa học	2	1		1					
	Trung tâm Hợp tác và phát triển đào tạo	8	4		4					
	Trung tâm Khảo thí & QLCLGD	7			7					
	Trung tâm Mô phỏng lâm sàng	5	4							
	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	3	1		2					
	Trung tâm Thông tin-Thư viện	8	2		6					
	Văn Phòng Công đoàn	1								
	Văn phòng Đảng Ủy	3	3							

5. Kết quả thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng:

Đối tượng	Khóa đào tạo, bồi dưỡng							
	Trong nước				Nước ngoài			
	Ngắn hạn	Đại học	Thạc sĩ và tương đương	Tiến sĩ và tương đương	Ngắn hạn	Đại học	Thạc sĩ và tương đương	Tiến sĩ và tương đương
Cán bộ quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảng viên	115	0	21	7	2	0	0	7
Nhân viên	0	0	0	0	0	0	0	0

6. Cơ sở vật chất

a. Danh mục các khuôn viên, địa điểm đào tạo:

STT	KHUÔN VIÊN	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Địa chỉ	Mục đích sử dụng
1	Trụ sở chính. Giấy chứng nhận QSD đất số BB 538302 ngày 29/7/2011 của UBND thành phố Hải Phòng.	TSC	45185.6	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	Xây dựng các công trình phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, thư viện và ký túc xá.
2	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng. Giấy chứng nhận QSD đất số CB 225884 ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hải Phòng.	BVTH	6930.3	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	Xây dựng các công trình phục vụ đào tạo thực hành, nghiên cứu khoa học và khám, chữa bệnh.
Tổng cộng			52115.9		

b. Danh mục các công trình xây dựng, các hạng mục CSVC:

STT	CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo, nghiên cứu (m ²)	Mục đích sử dụng	Địa chỉ
A	Công trình phục vụ đào tạo					
I	Trụ sở chính					
1	Nhà Hiệu bộ, giảng dạy và làm việc (Nhà cấp II, 7 tầng, xây dựng năm 1999, đưa vào sử dụng năm 2006)	Nhà A	13,094	9,165.8	Sử dụng kết hợp làm hội trường, giảng đường, phòng họp và làm việc.	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
2	Nhà giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu khoa học và thư viện (Nhà cấp I, 15 tầng, xây dựng năm 2010, đưa vào sử dụng năm 2016)	Nhà B	19,162.0	13,413.4	Sử dụng kết hợp làm giảng đường, phòng thực hành, thư viện, nghiên cứu và làm việc.	
3	Nhà giảng dạy và làm việc giảng viên (Nhà	Nhà C	5,307.0	3,714.9	Sử dụng kết hợp làm	Số 72A, Nguyễn Bình

STT	CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo, nghiên cứu (m2)	Mục đích sử dụng	Địa chỉ
	cấp III, 5 tầng, xây dựng năm 2011, đưa vào sử dụng năm 2013)				giảng đường, phòng thực hành và làm việc.	Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
4	Nhà làm việc Bộ môn GDTC và QPAN (Nhà cấp IV, 1 tầng, xây dựng năm 2019, đưa vào sử dụng năm 2019)	Nhà D	334.0	233.8	Sử dụng kết hợp làm phòng họp và làm việc.	
5	Khu tự học số 1+2 (Nhà cấp IV, 1 tầng, xây dựng năm 2020, đưa vào sử dụng năm 2020)	Nhà E	1,095.0	766.5	Sử dụng làm khu tự học và nghiên cứu.	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
6	Nhà để hóa chất thí nghiệm, thực hành. (Nhà cấp III, 1 tầng, xây dựng năm 2013, đưa vào sử dụng năm 2013)	Nhà F	50.0	35.0	Sử dụng để hóa chất cho thí nghiệm, thực hành.	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
7	Nhà thực nghiệm và lưu giữ súc vật. (Nhà cấp IV, 1 tầng, xây dựng năm 2017, đưa vào sử dụng năm 2017)	Nhà G	155.0	108.5	Sử dụng làm khu thực nghiệm và lưu giữ súc vật	
	Cộng I:		39,197.0	27,438.0		
II	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng (bệnh viện thực hành)					
1	Nhà làm việc và thực hành lâm sàng (Nhà cấp III, 5 tầng, xây dựng năm 1989, đưa vào sử dụng năm 1992)	Nhà A	1,897.0	1,327.9	Sử dụng làm nơi giảng dạy, thực hành lâm sàng, khám chữa bệnh và làm việc.	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

STT	CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo, nghiên cứu (m2)	Mục đích sử dụng	Địa chỉ
2	Nhà làm việc và thực hành lâm sàng (Nhà cấp III, 5 tầng, xây dựng năm 1996, đưa vào sử dụng năm 1998)	Nhà B	2,277.0	1,593.9	Sử dụng làm nơi giảng dạy, thực hành lâm sàng, khám chữa bệnh và làm việc.	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
3	Nhà làm việc và thực hành lâm sàng (Nhà cấp III, 2 tầng, xây dựng năm 2015, đưa vào sử dụng năm 2015)	Nhà C	662.0	463.4	Sử dụng làm nơi giảng dạy, thực hành lâm sàng, khám chữa bệnh và làm việc.	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
4	Nhà thực hành tiền lâm sàng (Nhà cấp II, 11 tầng, xây dựng năm 2019, đưa vào sử dụng năm 2022)	Nhà D	13,647.0	9,552.9	Sử dụng làm nơi giảng dạy, thực hành tiền lâm sàng, khám chữa bệnh và làm việc.	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
5	Nhà thực hành cận lâm sàng (Nhà cấp III, 2 tầng, xây dựng năm 1998, đưa vào sử dụng năm 1998)	Nhà E	238.0	166.6	Sử dụng làm nơi giảng dạy, thực hành cận lâm sàng, khám chữa bệnh.	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
	Cộng II:		18,721.0	13,105.0		
	Tổng cộng (I+II)		57,918.0	40,543.0		
B	Công trình hỗ trợ, phục vụ đào tạo					
I	Trụ sở chính					
1	Nhà thường trực, bảo vệ 1 (công chính 1). Nhà cấp III, 1 tầng, xây	Nhà BV1	32.4	22.7	Sử dụng làm nhà thường trực, bảo vệ	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm,

STT	CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo, nghiên cứu (m ²)	Mục đích sử dụng	Địa chỉ
	dựng năm 2006, đưa vào sử dụng năm 2006.				công chính.	phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
2	Nhà thường trực, bảo vệ 2 (công chính 2). Nhà cấp III, 1 tầng, xây dựng năm 2008, đưa vào sử dụng năm 2008.	Nhà BV2	19.8	13.9	Sử dụng làm nhà thường trực, bảo vệ công chính.	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
3	Nhà thường trực, bảo vệ 2 (công phụ). Nhà cấp III, 1 tầng, xây dựng năm 2006, đưa vào sử dụng năm 2006.	Nhà BV3	18.5	12.9	Sử dụng làm nhà thường trực, bảo vệ công phụ.	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
4	Nhà để ô tô, xe máy cho cán bộ, giảng viên. Nhà cấp IV, 1 tầng, xây dựng năm 2010, đưa vào sử dụng năm 2010.	Nhà ĐX	986.0	690.2	Sử dụng làm nơi để ô tô, xe máy cho cán bộ, giảng viên.	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
5	Nhà kỹ thuật (để máy phát điện, tủ điện). Nhà cấp IV, 1 tầng, xây dựng năm 2016, đưa vào sử dụng năm 2016.	Nhà KT	121.0	84.7	Sử dụng làm nhà để để máy phát điện, tủ điện	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
6	Trạm bơm (để bơm nước sinh hoạt, cứu hỏa). Nhà cấp III, 1 tầng, xây dựng năm 2016, đưa vào sử dụng năm 2016.	Nhà TB	30.8	21.5	Sử dụng làm nhà để bơm nước sinh hoạt, cứu hỏa	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

STT	CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo, nghiên cứu (m2)	Mục đích sử dụng	Địa chỉ
7	Trạm biến áp. Nhà cấp III, 1 tầng, xây dựng năm 2006, đưa vào sử dụng năm 2006.	Nhà TBA	33.9	23.7	Sử dụng làm nhà để trạm biến áp	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
8	Nhà xử lý nước thải phòng thí nghiệm. Nhà cấp IV, 1 tầng, xây dựng năm 2020, đưa vào sử dụng năm 2020.	Khu XLNT	42.9	30.0	Sử dụng làm nhà trạm xử lý nước thải phòng thí nghiệm.	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
9	Bể nước cứu hỏa, sinh hoạt. Bể xây dựng năm 2016, đưa vào sử dụng năm 2016.	Bể BN	184.8	129.4	Sử dụng làm Bể nước cứu hỏa, sinh hoạt.	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
10	Bãi để xe người học. Nhà cấp IV, mái tôn, xây dựng năm 2020, đưa vào sử dụng năm 2020.	Bãi ĐX	5,100.0	3,570.0	Sử dụng làm nơi để ô tô, xe máy cho người học.	Số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
	Cộng I:		6,570.0	4,599.0		
II	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng. (Bệnh viện thực hành)					
1	Nhà kỹ thuật (để máy phát điện, tủ điện, bơm nước). Nhà cấp III, 1 tầng, xây dựng năm 2019, đưa vào sử dụng năm 2022.	Nhà KT	45.0	31.5	Sử dụng làm nhà để máy phát điện, tủ điện, bơm nước.	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
2	Nhà xử lý nước thải, rác thải. Nhà cấp III, 1 tầng, xây dựng năm	Nhà XLNT	55.0	38.5	Sử dụng làm nhà xử lý nước thải, rác	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng

STT	CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo, nghiên cứu (m2)	Mục đích sử dụng	Địa chỉ
	2020, đưa vào sử dụng năm 2022.				thải.	Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
3	Trạm biến áp. Xây dựng năm 2006, đưa vào sử dụng năm 2006.	Nhà TBA	6.0	4.2	Sử dụng làm nhà để trạm biến áp.	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
4	Trung tâm cung cấp khí y tế. Nhà cấp III, 1 tầng, xây dựng năm 2024, đưa vào sử dụng năm 2024.	Nhà KYT	63.0	44.1	Sử dụng làm Trung tâm cung cấp khí y tế.	Số 225C, Lạch Tray, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
	Cộng II:		169.0	118.0		
	Tổng cộng (I+II)		6,739.0	4,717.00		
	TỔNG CỘNG (A +B)		64,657.00	45,260.00		

7. Kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

*Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục:

STT	Tên cơ sở giáo dục/CTĐT	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Giấy chứng nhận/công nhận	
					Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường đại học Y Dược Hải Phòng	18-23/9/2023	4,15/7	256/QĐ-KĐCLGD	13/12/2023	13/12/2028
2	Chương trình đào tạo:					
2.1	Nội khoa trình độ thạc sĩ	08-11/11/2023	96%	50/QĐ-TTKĐ	29/03/2024	28/03/2029
2.2	Ngoại khoa trình độ thạc sĩ	08-11/11/2023	96%	49/QĐ-TTKĐ	29/03/2024	28/03/2029

STT	Tên cơ sở giáo dục/CTĐT	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Giấy chứng nhận/công nhận	
					Ngày cấp	Giá trị đến
2.3	Nhi khoa trình độ thạc sĩ	08-11/11/2023	96%	51/QĐ-TTKĐ	29/03/2024	28/03/2029
2.4	Y học cổ truyền trình độ đại học	08-11/11/2023	98%	48/QĐ-TTKĐ	29/03/2024	28/03/2029
2.5	Răng hàm mặt trình độ đại học	08-11/11/2023	98%	47/QĐ-TTKĐ	29/03/2024	28/03/2029
2.6	Xét nghiệm y học trình độ đại học	08-11/11/2023	96%	46/QĐ-TTKĐ	29/03/2024	28/03/2029
2.7	Điều dưỡng trình độ đại học	08-11/11/2023	98%	45/QĐ-TTKĐ	29/03/2024	28/03/2029
2.8	Y tế công cộng trình độ thạc sĩ	12-15/7/2022	96%	125/QĐ-TTKĐ	30/10/2022	30/10/2027
2.9	Dược học trình độ đại học	12-15/7/2022	94%	127/QĐ-TTKĐ	30/10/2022	30/10/2027
2.10	Y khoa trình độ đại học	12-15/7/2022	94%	126/QĐ-TTKĐ	30/10/2022	30/10/2027

• Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài

STT	Tên kế hoạch cải tiến chất lượng	Số, ngày tháng ban hành	Tổng số hoạt động cần cải tiến theo khuyến nghị	Tỷ lệ % hoạt động đã được cải tiến	Ghi chú
1	Trường đại học Y Dược Hải Phòng	13/12/2023	107	71%	
2	Chương trình đào tạo:				
2.1	Y khoa trình độ đại học	30/10/2022	10	59%	
2.2	Dược học trình độ đại học	30/10/2022	11	64%	
2.3	Y tế công cộng trình độ thạc sĩ	30/10/2022	9	66%	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1. Công tác tuyển sinh:

a. Kế hoạch tuyển sinh đại học hệ chính quy năm học 2024-2025:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khai báo CSDL ngành trên hệ thống HEMIS phục vụ công tác xác định chỉ tiêu	QLĐTĐH và các đơn vị liên quan	Ngày 29/4

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
	tuyển sinh năm 2024		
2	Xây dựng và công bố đề án tuyển sinh năm 2024	QLĐTĐH	Tháng 05
3	Triển khai công tác truyền thông tuyển sinh năm 2024	Ban truyền thông tuyển sinh	Tháng 05
4	Xây dựng và công bố thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2024	QLĐTĐH	Tháng 05
5	Cập nhật thông tin tuyển sinh của Trường lên Hệ thống (trang nghiệp vụ)	QLĐTĐH	Ngày 15/6
6	Tổ chức nhận hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của thí sinh	QLĐTĐH	Từ ngày 17/6 đến 17h00 ngày 30/6
7	Tổ chức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ các Trường DBĐH Dân tộc	QLĐTĐH	Từ ngày 17/6 đến 17h00 ngày 30/6
8	Họp HĐTS xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển	HĐTS	Dự kiến ngày 05/7
9	Thông báo kết quả xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển cho thí sinh. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng lên Hệ thống	QLĐTĐH	Ngày 10/7
10	Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học trên hệ thống	QLĐTĐH	Từ ngày 22/7 đến 17h00 ngày 31/7
11	Tổ chức cho thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (không giới hạn số lần) trên hệ thống	QLĐTĐH	Từ ngày 18/7 đến 17h00 ngày 30/7
12	Công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ CQ trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trang thông tin điện tử của trường	QLĐTĐH	Trước 17h00 ngày 22/7
13	Tải dữ liệu, thông tin xét tuyển; điểm thi tốt nghiệp THPT; kết quả học tập cấp THPT trên Hệ thống; điểm các kì thi (nếu có)	QLĐTĐH	Từ ngày 13/8 đến 17h00 ngày 17/8
14	Tổ chức xét tuyển và xử lý nguyện vọng trên hệ thống	QLĐTĐH	Từ ngày 13/8 đến 17h00 ngày 17/8
15	Họp HĐTS xét tuyển đại học hệ chính quy (đợt 1)	HĐTS	Dự kiến ngày 18/8
16	Công bố kết quả trúng tuyển (đợt 1)	QLĐTĐH	Trước 17h00 ngày 19/8

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
17	Tổ chức xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên hệ thống	QLĐTĐH	Từ ngày 19/8 đến 17h00 ngày 27/8
18	Tổ chức nhập học cho thí sinh	QLĐTĐH, TCKT và các đơn vị liên quan	Dự kiến từ ngày 04/9 đến ngày 06/9
19	Tổ chức tuyển sinh đợt bổ sung (nếu có)	HĐTS, QLĐTĐH và các đơn vị liên quan	Từ tháng 09/2024
20	Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2024	QLĐTĐH	Trước ngày 31/12

b. Kế hoạch tuyển sinh đại học hệ liên thông chính quy, liên thông VL VH năm học 2024-2025:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng và công bố thông báo tuyển sinh, đào tạo lưu học sinh nước CHDCND Lào năm học 2024-2025	QLĐTĐH	Tháng 05
2	Tổ chức nhận hồ sơ đăng kí xét tuyển của lưu học sinh nước CHDCND Lào	QLĐTĐH, HTQT	Từ ngày 01/7 đến 17h00 ngày 31/7
3	Tổ chức thanh tra và công bố kết quả thanh tra hồ sơ đăng kí xét tuyển của lưu học sinh nước CHDCND Lào	Ban thanh tra; QLĐTĐH, HTQT	Từ ngày 01/8 đến ngày 04/8
4	Tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho lưu học sinh nước CHDCND Lào	Ban ĐGNL, QLĐTĐH, HTQT	Dự kiến từ ngày 05/8 đến ngày 09/8
5	Họp HĐTS xét tuyển đại học đối với lưu học sinh nước CHDCND Lào	HĐTS	Dự kiến ngày 18/8
6	Công bố kết quả trúng tuyển	QLĐTĐH	Trước 17h00 ngày 19/8
7	Tổ chức nhập học cho lưu học sinh nước CHDCND Lào	QLĐTĐH, TCKT và các đơn vị liên quan	Dự kiến từ ngày 04/9 đến ngày 06/9
8	Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2024	QLĐTĐH	Trước ngày 31/12

c. Kế hoạch tuyển sinh đại học Sau đại học năm học 2025:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh	P.QLĐTSĐH	Tháng 3-6
2	Thông báo tuyển sinh Sau đại học	P.QLĐTSĐH	Tháng 3-6

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
3	Nhận hồ sơ tuyển sinh Sau đại học	P.QLĐTSDH	Sau khi có thông báo tuyển sinh
4	Kiểm tra và tổng hợp trích ngang hồ sơ	Phòng QLĐTSDH	Ngày 4-7/7
5	Xét duyệt hồ sơ	Ban xét duyệt hồ sơ	Ngày 8-11/7
6	Họp HĐ tuyển sinh (thông qua xét duyệt hồ sơ)	HĐ tuyển sinh	Ngày 14/7
7	Kiểm tra và tổng hợp trích ngang hồ sơ	Phòng QLĐTSDH	Ngày 4-7/7
8	Thông báo kết quả đủ ĐK xét tuyển đối với thạc sĩ. Thông báo thí sinh đủ ĐK dự thi đối với CKI, CKII và BS nội trú.	HĐ tuyển sinh	Ngày 14/7
9	Họp ban đề	Trưởng ban đề thi	Ngày 21/7
10	Tập huấn cán bộ coi thi	Trưởng ban coi thi	Ngày 23/7
11	Thi tuyển sinh Sau đại học	HĐ tuyển sinh	Từ 25-27/7
12	Nhận đơn phúc khảo bài thi	HĐ tuyển sinh	Ngày 29/7 đến ngày 31/7
13	Chấm thi phúc khảo	HĐ tuyển sinh	Ngày 01/8
14	Họp HĐ tuyển sinh thông qua kết quả TS	HĐ tuyển sinh	Ngày 04/8
15	Công bố Danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh SDH đợt 1.	HĐ tuyển sinh	Ngày 06/8
16	Báo cáo 2 Bộ về kết quả xét tuyển đối với thạc sĩ, NCS và thi tuyển đối với CKI, CKII và BS nội trú và DS trúng tuyển tuyển sinh đợt 1 năm 2024.	HĐ tuyển sinh	Ngày 08/8
17	Thông báo nhập học	P.QLĐTSDH	Ngày 14/8
18	Thông báo tuyển sinh Sau đại học đợt 2	P.QLĐTSDH	Tháng 8
19	Nhận hồ sơ tuyển sinh Sau đại học	P.QLĐTSDH	Sau khi có thông báo tuyển sinh
20	Tuyển sinh Sau đại học đợt 2	P.QLĐTSDH	Từ tháng 10-12
21	Thi tuyển sinh Sau đại học đợt 2	Hội đồng thi tuyển sinh	Tháng 11
22	Thông báo nhập học đợt 2	P.QLĐTSDH	Tháng 12

2. Kết quả tuyển sinh

a. Công khai quy mô đào tạo, số lượng nhập học mới, số lượng tốt nghiệp năm học 2024:

STT	Ngành	Quy mô đào tạo	Số lượng nhập học	Số lượng tốt nghiệp
I	HỆ ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY	6312	1507	1110
1	Y khoa	3209	591	591
2	Y học dự phòng	236	68	33
3	Y học cổ truyền	459	154	63
4	Dược học	833	223	111
5	Điều dưỡng	714	247	164
6	Răng - Hàm - Mặt	521	113	68
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	340	111	80
II	HỆ ĐÀO TẠO: LIÊN THÔNG CHÍNH QUY, LIÊN THÔNG VLVH	436	151	143
1	Y khoa (TC-ĐH)	315	97	117
2	Dược học (CĐ-ĐH)	33	9	25
3	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	88	45	0
4	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CĐ-ĐH)	0	0	1
III	HỆ ĐÀO TẠO THẠC SĨ			
1	Dược lý và Dược lâm sàng	14	9	3
2	Điều dưỡng	6	6	0
3	Kỹ thuật xét nghiệm y học	14	6	6
4	Nội khoa	13	8	6
5	Ngoại khoa	16	14	4
6	Nhi khoa	15	11	7
7	Răng hàm mặt	0	0	0
8	Y học biển	5	2	-
9	Y tế công cộng	6	4	3
	TỔNG	89	60	29
IV	HỆ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ			
1	Y tế công cộng	5	2	0
2	Nhi khoa	9	7	1
3	Nội khoa	5	3	2
4	Ngoại khoa	19	9	0

STT	Ngành	Quy mô đào tạo	Số lượng nhập học	Số lượng tốt nghiệp
	TỔNG	38	21	3
V	HỆ ĐÀO TẠO: BÁC SĨ NỘI TRÚ			
1	Chẩn đoán hình ảnh	4	4	0
2	Nội khoa	20	14	5
3	Ngoại khoa	33	27	12
4	Nhi khoa	30	18	8
5	Răng Hàm Mặt	8	2	0
6	Sản khoa	09	4	3
	TỔNG	105	69	28
VI	HỆ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA 1			
1	Chẩn đoán hình ảnh	101	45	32
2	Da liễu	18	18	0
3	Dược lý và DLS	24	21	0
4	Điều dưỡng	218	176	6
5	Gây mê hồi sức	40	22	11
6	Mắt	15	11	4
7	Nội khoa	99	68	38
8	Ngoại khoa	20	14	7
9	Nhi khoa	17	8	12
10	PTTH-TM	21	21	0
11	Phục hồi chức năng	8	8	0
12	Răng Hàm Mặt	149	85	46
13	Sản phụ khoa	36	18	8
14	Tai Mũi Họng	44	16	14
15	Tâm thần	22	12	6
16	Ung thư	12	9	7
17	Xét nghiệm y học	82	43	14
18	Y học cổ truyền	53	20	11
19	Y học dự phòng	32	26	0

STT	Ngành	Quy mô đào tạo	Số lượng nhập học	Số lượng tốt nghiệp
20	Y học gia đình	42	12	3
21	Y tế công cộng	11	16	3
	TỔNG	1064	669	222
VII	HỆ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA 2			
1	Chẩn đoán hình ảnh	5	5	0
2	Gây mê hồi sức	5	3	0
3	Nội chung	40	28	6
4	Nội tim mạch	10	8	3
5	Nội hô hấp	2	2	3
6	Ngoại chung	32	12	2
7	Ngoại chấn thương chỉnh hình	8	6	2
8	Ngoại tiêu hóa	0	0	0
9	Nhi chung	12	7	3
10	QLYT	54	20	10
11	Răng hàm mặt	19	13	2
12	Sản phụ khoa	27	21	2
13	Tâm thần	17	3	0
14	Y học cổ truyền	17	13	0
	TỔNG CỘNG	292	141	33

b. Tỷ lệ nhập học so với kế hoạch, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ thôi học năm đầu, tỷ lệ tốt nghiệp trong thời gian không quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn và tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn (trong thời gian tiêu chuẩn) năm học 2024-2025:

STT	Ngành	Tỷ lệ nhập học	Tỷ lệ thôi học	Tỷ lệ thôi học năm đầu	Tỷ lệ tốt nghiệp muộn	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn
I	HỆ ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY					
1	Y khoa	107.45	0.53	1.66	97.69	97.36
2	Y học dự phòng	85.00	5.19	21.74	89.19	86.49
3	Y học cổ truyền	128.33	2.65	9.59	96.92	93.85
4	Dược học	111.50	1.23	5.84	94.87	91.45

STT	Ngành	Tỷ lệ nhập học	Tỷ lệ thôi học	Tỷ lệ thôi học năm đầu	Tỷ lệ tốt nghiệp muộn	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn
5	Điều dưỡng	123.50	2.31	6.32	81.91	80.9
6	Răng - Hàm - Mặt	113.00	0	1.1	89.47	88.16
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	111.00	1.28	4.94	87.91	85.71
II	HỆ ĐÀO TẠO: LIÊN THÔNG CHÍNH QUY, LIÊN THÔNG VLVH					
1	Y khoa (TC-ĐH)	88.18	1.14	3.06	97.5	95.83
2	Dược học (CĐ-ĐH)	22.50	1.69	5.88	92.59	92.59
3	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	112.50	2.27	2.38	-	-
4	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CĐ-ĐH)	-	-	-	0.98	-
III	HỆ ĐÀO TẠO THẠC SĨ					
1	Dược lý và Dược lâm sàng	81.82%	0	0	25%	75%
2	Điều dưỡng	100%	0	0	-	-
3	Kỹ thuật xét nghiệm y học	85.71 %	0	0	6,6%	93,4%
4	Nội khoa	66.67 %	0	0	21,4%	78,6 %
5	Ngoại khoa	93.33 %	0 %	0 %	23,07%	76,92%
6	Nhi khoa	73.33 %	0 %	0 %	20,93%	79,16%
7	Răng hàm mặt (mở ngành năm 2025)	-	-	-	-	-
8	Y học biển	100 %	0 %	0 %	-	-
9	Y tế công cộng	100 %	0 %	0 %	40%	60%
IV	HỆ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ					
1	Y tế công cộng	100 %	0%	0%	100%	0%
2	Nhi khoa	100 %	0%	0%	100%	0%
3	Nội khoa	100 %	0%	0%	100%	0%
4	Ngoại khoa	100 %	0%	0%	100%	0%
V	HỆ ĐÀO TẠO: BÁC SĨ NỘI TRÚ					
1	Chẩn đoán hình ảnh	100 %	0%	0%	0%	100%
2	Nội khoa	82.35%	5%	0 %	0 %	100%

STT	Ngành	Tỷ lệ nhập học	Tỷ lệ thôi học	Tỷ lệ thôi học năm đầu	Tỷ lệ tốt nghiệp muộn	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn
3	Ngoại khoa	81.82%	10%	7,4%	0 %	100%
4	Nhi khoa	90%	0 %	0 %	0 %	100%
5	Răng Hàm Mặt	66.67%	50%	50%	-	-
6	Sản phụ khoa	100%	10%	0 %	100%	0%
VI	HỆ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA 1					
1	Chẩn đoán hình ảnh	95.74 %	1,98%	1,98%	0	100%
2	Da liễu	100 %	0 %	0 %	-	-
3	Dược lý và DLS	100%	0%	0%	-	-
4	Điều dưỡng	94.62%	0.458%	0.56%	0	100%
5	Gây mê hồi sức	100 %	0%	0%	0%	100%
6	Mắt	100 %	0%	0%	0%	100%
7	Nội khoa	94.44 %	0%	0%	0%	100%
8	Ngoại khoa	93.33 %	0%	0%	0%	100%
9	Nhi khoa	80 %	0%	0%	0%	100%
10	PTTH-TM	100 %	0%	0%	-	-
11	Phục hồi chức năng	100 %	0%	0%	-	-
12	Răng Hàm Mặt	98.84 %	0.67%	1.17%	0%	100%
13	Sản phụ khoa	90 %	2.77%	5.55%	0%	100%
14	Tai Mũi Họng	88.89 %	0%	0%	0%	100%
15	Tâm thần	100 %	0%	0%	0%	100%
16	Ung thư	100 %	0%	0%	0%	100%
17	Xét nghiệm y học	97.72 %	0%	0%	0%	100%
18	Y học cổ truyền	100 %	0%	0%	0%	100%
19	Y học dự phòng	100 %	0%	0%	0%	100%
20	Y học gia đình	100 %	2.38%	8.33%	0%	100%
21	Y tế công cộng	100 %	0%	0%	0%	100%
VII	HỆ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA 2					
1	Chẩn đoán hình ảnh	100 %	0%	0%	-	-
2	Gây mê hồi sức	100 %	0%	0%	-	-
3	Nội chung	96.55 %	0%	0%	0%	100%
4	Nội tim mạch	100 %	0%	0%	0%	100%
5	Nội hô hấp	100 %	0%	0%	0%	100%

STT	Ngành	Tỷ lệ nhập học	Tỷ lệ thôi học	Tỷ lệ thôi học năm đầu	Tỷ lệ tốt nghiệp muộn	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn
6	Ngoại chung	92.31 %	0%	0%	0%	100%
7	Ngoại chấn thương chỉnh hình	100 %	0%	0%	0%	100%
8	Ngoại tiêu hóa	0%	0%	0%	0%	0%
9	Nhi chung	100 %	0%	0%	0%	100%
10	QLYT	95.24 %	0%	0%	0%	100%
11	Răng hàm mặt	100 %	0%	0%	0%	100%
12	Sản phụ khoa	100 %	0%	0%	0%	100%
13	Tâm thần	100 %	11,76%	33,3%	-	-
14	Y học cổ truyền	100 %	0%	0%	-	-

c. Tỷ lệ có việc làm

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SVTN có việc làm/ tổng số SV phản hồi	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
1	7720301	Điều dưỡng	103	98	84	80	66	6	1	8	3	96.43	20	51	0	2
2	7720501	Răng hàm mặt	86	59	86	54	72	1	0	11	2	97.67	11	61	1	0
3	7720201	Dược	128	107	99	81	91	0	0	4	4	95.96	17	63	3	8
4	7720115	Y học cổ truyền	54	39	54	38	28	2	0	15	9	83.33	17	12	0	1
5	7720101	Y đa khoa	523	352	229	144	132	5	1	78	13	94.32	124	14	0	0
6	7720601	Kỹ thuật y học	66	47	65	52	29	3	2	20	11	83.08	17	17	0	0
7	7720110	Y học dự phòng	35	24	24	17	13	7	3	1	0	100.00	3	15	0	5

3. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ

a. Danh mục dự án, đề tài:

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
1.	Nghiên cứu sàng lọc các hợp chất có hoạt tính kháng viêm, kháng khuẩn và gây độc tế bào từ nguồn vi sinh vật biển thành phố Hải Phòng	KHCN	Quốc gia	TS. Cao Đức Tuấn		Viện Hóa sinh biển Trường ĐH Y dược Buôn Ma Thuột	2023 - 2026		Đang thực hiện
2.	Nghiên cứu xây dựng quy trình tạo hợp chất mới có hoạt tính kháng sinh từ nguồn xạ khuẩn biển thành phố Hải Phòng	KHCN	TP Hải Phòng	TS. Cao Đức Tuấn		Viện Hóa sinh biển Trường ĐH Y dược Buôn Ma Thuột	2021 - 2024		Đã nghiệm thu
3.	Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình sàng lọc, can thiệp thở áp lực dương cho bệnh nhân mắc hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	KHCN	TP Hải Phòng	PGS.TS. Phạm Văn Linh		Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	2022 - 2024		Đang thực hiện
4.	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị IoT và xây dựng phần mềm ứng dụng thu nhập thông tin nhịp tim và huyết áp của người bệnh tim mạch tại Hải Phòng	KHCN	TP Hải Phòng	TS. Nguyễn Bảo Trân		Bệnh viện Chợ rẫy	2022 - 2024		Đang thực hiện
5.	Nghiên cứu Dược lực học, ngẫu nhiên, mù đôi, đa trung tâm, đối chứng giả dược, kéo	TNLS	Cơ sở	PGS.TS. Phạm Văn Linh		Công ty AstraZeneca	2024 -		Đang thực

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	dài 4 tuần, 3 phác đồ điều trị chéo để đánh giá tính tương đương của Budesonide, Glycopyrronium và Formoterol Fumarate (BGF) được cung cấp bằng MDI HFO so với BGF được cung cấp bằng MDI HFA ở những người tham gia mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (NGP Efficacy)						2026		hiện
6.	Nghiên cứu mù đôi, ngẫu nhiên, đối chứng với thuốc có hoạt tính, bắt chéo hai chiều với 12 tuần điều trị cho mỗi giai đoạn, nhằm đánh giá hiệu quả và tính an toàn của QMF 149 (indacaterol/mometasone furoate) so với budesonide trên trẻ em mắc bệnh hen từ 6 đến dưới 12 tuổi	TNLS	Cơ sở	PGS.TS. Phạm Văn Linh		Công ty Novartis	2023 - 2028		Đang thực hiện
7.	Nghiên cứu Dược lực học, ngẫu nhiên, mù đôi, đa trung tâm, đối chứng giả dược, kéo dài 12 tuần, 3 phác đồ điều trị chéo, sao chép một phần để đánh giá tính tương đương của Budesonide và Albuterol (BDA) phân phối qua MDI HFO so với BDA phân phối qua MDI HFA ở những người tham gia mắc bệnh Hen.	TNLS	Cơ sở	PGS.TS. Phạm Văn Linh		Công ty AstraZeneca	2024 - 2026		Đang thực hiện

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
8.	Nghiên cứu ngẫu nhiên, nhãn mở, uống liều duy nhất, hai giai đoạn, thiết kế chéo để đánh giá dược động học của viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát Pelubiprufen-Tramadol (DW-1021) (dạng muối của Pelubiprufen 45mg- Tramadol 45.9mg (Thuốc thử) so với việc dùng đồng thời từng loại viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát Pelubi CR 45mg (Pelubiprufen 45mg) và viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát Zytram CR (Tramadol HCL 75mg) trên nam giới Việt Nam trưởng thành khỏe mạnh trong điều kiện nhịn đói	TNLS	Cơ sở	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương		Công ty TNHH Dược phẩm Daewon	2024 - 2025		Đang thực hiện
9.	Nghiên cứu lâm sàng phân ngẫu nhiên, nhãn mở, uống liều đơn đánh giá tác động của thực phẩm lên dược động học của viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát Pelubiprufen-Tramadol (DW-1021) (Pelubiprufen 45mg/Tramadol 45.9mg) sau khi uống trên 12 đối tượng nam giới Việt Nam trưởng thành khỏe mạnh trong điều kiện ăn no và điều kiện nhịn đói	TNLS	Cơ sở	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương		Công ty TNHH Dược phẩm Daewon	2024 - 2025		Đang thực hiện

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
10.	Nghiên cứu giai đoạn III, ngẫu nhiên, mù đôi, đối chứng giả dược, hướng biến cố, để đánh giá hiệu quả của Baxdrostat kết hợp Dapagliflozin so với Dapagliflozin đơn trị đối với nguy cơ suy tim mới mắc và tử vong do tim mạch ở những người tham gia có tăng nguy cơ phát triển suy tim (BaxDuo Prevent-HF)	TNLS	Cơ sở	TS.BS. Ngô Thị Thu Thủy		Công ty AstraZeneca	2024 - 2029		Đang thực hiện
11.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên điều dưỡng trường đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Thu	Bùi Thị Thanh Mai		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
12.	Thực trạng kiến thức, thực hành về kỹ thuật tiêm của sinh viên điều dưỡng chính quy trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm học 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Anh Thu	Đỗ Thị Tuyết Mai		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
13.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến gánh nặng chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não tại nhà của người chăm sóc chính, năm 2023	KHCN	Cơ sở	Hoàng Tuấn Anh	Lê Thị Nhung		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
14.	Khảo sát năng lực tự học và một số yếu tố liên quan của sinh viên Điều dưỡng chính quy trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm	KHCN	Cơ sở	Trần Thùy Dương	Nguyễn Thị Hòa		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kính phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	2023								
15.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tuân thủ chế độ ăn ở người bệnh Đái tháo đường tuýp 2 tại khoa Nội 3 - bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Thu Hương	SV. Trần Thị Thùy Linh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
16.	Kiến thức thực hành của người chăm sóc sản phụ sau sinh tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Hòa	Trần Thị Thuỳ Dương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
17.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh khi đến khám bệnh tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đỗ Thị Tuyết Mai	Nguyễn Thị Anh Thư, Nguyễn Hải Ninh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
18.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con lần đầu tại khoa Sản, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Cao Thị Vân Anh	Nguyễn Thị Trang		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
19.	Kỹ năng thực hành Điều dưỡng cơ bản của sinh viên Điều dưỡng chính quy tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Lê Thị Thu Hằng			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
20.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống của người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính điều trị ngoại trú tại	KHCN	Cơ sở	Lương Thị Thu Giang	Đinh Thị Mai Hương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng, năm 2023								
21.	Thực trạng kiến thức về chăm sóc vết thương của sinh viên điều dưỡng chính quy trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Tuyết	Nguyễn Thị Thu Hương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
22.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến chiều dài, cân nặng của trẻ mới đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đỗ Thị Lan Anh	Trần Bảo Ngọc, Phạm Thị Vân, Phạm Thị Phương Thảo		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
23.	Nghiên cứu tình trạng căng thẳng của sinh viên Điều dưỡng chính quy năm 3 khi học tập lâm sàng tại Bệnh viện năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thu Hương	Phạm Thị Tuyết		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
24.	Khảo sát nhu cầu học sau đại học của sinh viên Điều Dưỡng chính quy năm cuối khoá 2019-2023 trường Đại học Y Dược Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Cẩm Doanh			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
25.	Kiến thức thực hành và một số yếu tố liên quan đến quản lý chất thải y tế của điều dưỡng tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Bùi Thị Thanh Mai	Phạm Thị Thu		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
26.	Thực trạng stress nghề nghiệp ở Điều dưỡng viên tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đỗ Thị Thu Huyền	Nguyễn Thanh Xuân		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
27.	Kiến thức, thực hành về chăm sóc trẻ sốt xuất	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thanh	Đinh Thị Mai Hương		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	huyết của các bà mẹ có con đang điều trị tại khoa Nhi, bệnh viện Đại học Y Hải Phòng			Xuân			- 2024		nghiệm thu
28.	Nghiên cứu xây dựng công cụ tính liều levothyroxine nhằm cá thể hoá điều trị bệnh suy giáp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thu Phương	Đặng Hương Trà		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
29.	Xây dựng quy trình chiết xuất fucoidan từ rong mơ tro gai (Sargassum Cinereum) thu hái tại Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Ngô Thị Quỳnh Mai	Nguyễn Thành Đạt, Nguyễn Trần Thị Trà My, Lê Thị Mai Ngân, Lưu Thị Thu Huyền		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
30.	Tối ưu hóa quy trình lên men quy mô 250 mL chủng xạ khuẩn G595 tạo dịch nuôi có hoạt tính kháng vi sinh vật	KHCN	Cơ sở	Cao Đức Tuấn			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
31.	Nguy cơ tương tác thuốc bất lợi ở bệnh nhân cao tuổi điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng từ 8/2022-03/2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Thị Thúy Hiếu, Phạm Thị Hoa		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
32.	Thực trạng sử dụng colistin khí dung trong điều trị viêm phổi do vi khuẩn Gram âm đa kháng tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng từ năm 2021 đến năm 2022	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Ngân	Hoàng Thị Bích Vân		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
33.	Nghiên cứu thành phần hóa học và một số tác	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Anh	Phạm Hà Hưng,		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	dụng sinh học của dược liệu Xạ Can (<i>Belamcanda chinensis</i> Lem)				Nguyễn Hải Ninh, Lưu Thị Thu Huyền, Nguyễn Thu Hương		- 2024		nghiệm thu
34.	Thực trạng áp dụng quy trình giám sát nồng độ amikacin trong máu tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng giai đoạn 2019-2022	KHCN	Cơ sở	Lê Thị Thùy Linh			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
35.	Phân tích tình hình sử dụng và giám sát nồng độ thuốc vancomycin trong máu theo AUC Bayesian tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Trần Văn Anh			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
36.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và thực trạng điều trị dậy thì sớm tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Minh Thảo			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
37.	Xây dựng và thẩm định phương pháp xác định kiểu gen liên quan đến tác dụng trên da nghiêm trọng do Carbamazepin bằng kỹ thuật Realtime-PCR	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Hương Giang	Ngô Phương Thảo, Đào Thu Hương, Nghiêm Ngọc Mai		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
38.	Tác dụng kháng vi sinh vật in vitro của cao chiết và các chất phân lập từ Rau càng cua (<i>Peperomia pellucida</i> L.) thu hái tại Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Ánh Lâm	Phạm Thị Minh Hà, Đoàn Thị Minh Phượng, Nguyễn Cẩm Tú, Nguyễn Thị		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
					Lan Anh				
39.	Xác định cấu trúc hóa học của các chất phân lập được từ loài trâm khế - <i>Syzygium cerasiforme</i> (Blume) Merr. & L. M. Perry	KHCN	Cơ sở	Bùi Hải Ninh	Vũ Thủy Dung		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
40.	Nghiên cứu phân lập xạ khuẩn biển có hoạt tính kháng vi sinh vật từ đảo Bạch Long Vĩ, Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Vũ Thủy Dung	Cao Đức Tuấn, Hoàng Thị Như Quỳnh, Trương Đình Phong		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
41.	Thực trạng danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Quốc tế Green năm 2022	KHCN	Cơ sở	Hà Quang Tuấn	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thu Hương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
42.	Thực trạng hoạt động cung ứng thuốc tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Đỗ Thị Bích Diệp	Trương Đình Phong, Phùng Chí Thiện		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
43.	Phân tích chi phí trực tiếp điều trị biến chứng Cúm A tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ tháng 10/2021 đến tháng 9/2022	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyễn Thu Hương, Trần Ngọc Khánh Hoà, Bùi Thị Ánh Tuyết		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
44.	Nghiên cứu sử dụng chất tương phản trên cơ sở hạt nano Gd ₂ O ₃ được bọc bởi các polyme tương thích sinh học trong chụp MRI và CT	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thùy Khuê	Phạm Thị Phương Thảo		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
45.	Nghiên cứu bào chế gel dưỡng da chiết xuất	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thanh	Kiều Thị Thư		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	từ quả mướp đắng (<i>Momordica charantia</i>)			Tâm			- 2024		nghiệm thu
46.	Tác dụng chống ung thư phổi in vitro của hệ tiểu phân nano phối hợp giữa Paclitaxel và Dihydroartemisinin	KHCN	Cơ sở	Ninh Thị Kim Thu	Trần Tuấn Hiệp		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
47.	Nghiên cứu bào chế một số dạng thuốc chứa cao nụ Vối (<i>Cleistocalyx operculatus</i> , Myrtaceae)	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Quỳnh	Nguyễn Thị Thuý, Nguyễn Thanh Tâm, Ngô Thị Quỳnh Mai		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
48.	Bước đầu đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng của cao lỏng bài thuốc Kim tiền thảo	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Phương Thảo	Mai Thị Là, Nguyễn Thị Dung		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
49.	Đặc điểm thực vật - dược liệu và tác dụng chống ung thư của lá cây Chùm ngây (<i>Moringa oleifera</i> L.)	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Dung			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
50.	Ứng dụng xét nghiệm QuantiFERON®-TB Access trong chẩn đoán lao tiềm ẩn tại quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Hùng Cường	Bạch Thị Như Quỳnh, Mạc Nguyễn Quỳnh Trâm		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
51.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm tại các phòng xét nghiệm của tỉnh Hải Dương năm 2023	KHCN	Cơ sở	Vũ Văn Thái	Cao Văn Tuyền, Đinh Kim Xuyên		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
52.	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, cận	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Thu	Bùi Thị Hương		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến bệnh lý vàng da ở trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022 - 2023			Trang	Giang, Nguyễn Anh Ngọc, Nguyễn Thị Phương		- 2024		nghiệm thu
53.	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng và nhóm gen quy định sự biệt hoá của bệnh ung thư máu cấp dòng tủy từ dữ liệu bệnh nhân tại Viện ung thư quốc gia.	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Lộc	Atsushi Hirao, Masaya Ueno		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
54.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến đái tháo đường thai kì của thai phụ đến khám tại Bệnh viện Quốc tế Green năm 2023	KHCN	Cơ sở	Bùi Thị Hương Giang	Phạm Thị Thu Trang, Nguyễn Anh Ngọc, Nguyễn Thị Phương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
55.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết do <i>Aeromonas hydrophila</i> tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng năm 2020 đến năm 2023	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Nữ	Nguyễn Hùng Cường, Trịnh Thị Hằng, Phạm Thị Tâm, Nguyễn Thị Thúy Phương, Lại Thị Quỳnh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
56.	Thực trạng nhiễm khuẩn huyết liên quan đến đường truyền tĩnh mạch trung tâm tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Minh Khánh	Vũ Xuân Tuấn, Đoàn Văn Hiến		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
57.	Đặc điểm các chỉ số hồng cầu máu ngoại vi và các chỉ số Bilan sắt ở bệnh nhân thiếu máu thiếu sắt điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt	KHCN	Cơ sở	Mạc Thị Tịnh	Hoàng Văn Phóng, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	Tiếp				Ngọc Anh, Trần Thị Phương Linh				
58.	Nghiên cứu mối tương quan giữa giá trị PAPP-A ở tam cá nguyệt I với Đái tháo đường thai kì của phụ nữ mang thai tại Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Dương Đỗ Thanh Hằng	Lưu Vũ Dũng, Nguyễn Thị Nhài, Nguyễn Thị Phương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
59.	Đánh giá hiệu quả của kit xét nghiệm nhanh kháng nguyên SGTi-flex COVID-19 Ag ứng dụng trong xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Hải	Trần Quang Đôn, Nguyễn Thị Hải Dương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
60.	Xác định đột biến gen JAK2 V617F trên bệnh nhân theo dõi đa hồng cầu nguyên phát và tăng tiểu cầu tiên phát tại Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Bạch Thị Như Quỳnh	Lê Hồng Thu, Phạm Thu		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
61.	Đánh giá độ nhạy và độ đặc hiệu của bộ sinh phẩm TaqPath COVID-19 CE-IVD RT-PCR kit trong xét nghiệm chẩn đoán Sars-Cov2	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Văn Thành	Bạch Thị Như Quỳnh, Lê Hồng Thu, Nguyễn Thị Thùy Dương, Vũ Thị Trang Linh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
62.	Kết quả phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới loại Parant II có sử dụng máy Piezotom	KHCN	Cơ sở	Vũ Quang Hưng			2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
63.	Kết quả điều trị nội nha răng viêm tủy không hồi phục ở người cao tuổi có sử dụng trám xoay Protaper Ultimate trong tạo hình ống tủy	KHCN	Cơ sở	Trần Thị An Huy	Nguyễn Thị Thu Hà, Lương Xuân Quỳnh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
64.	Đánh giá kết quả cấy ghép Implant đơn lẻ có sử dụng máng hướng dẫn phẫu thuật tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Thanh Hải	HV. Vũ Bình Dương Nguyễn Đức Tín		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
65.	Đặc điểm lâm sàng viêm lợi và kết quả điều trị trên bệnh nhân đeo mắc cài chỉnh nha	KHCN	Cơ sở	Đồng Thị Mai Hương	Phạm Thị Vân		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
66.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị của bệnh nhân viêm nhiễm phần mềm vùng hàm mặt tại khoa Răng hàm mặt, bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Minh Tuấn			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
67.	Kết quả nong hàm theo chiều đứng và chiều trước sau trên phim sọ nghiêng ở các bệnh nhân nong hàm nhanh có hỗ trợ minivis tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Hồng Thùy	Nguyễn Thị Ngọc Bích		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
68.	Kết quả phục hình implant đơn lẻ lấy dấu kỹ thuật số bằng scan trong miệng tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đỗ Quốc Uy	Lê Thành Nam		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
69.	Đặc điểm lâm sàng, X-Quang và kết quả điều	KHCN	Cơ sở	Lương Xuân	Vũ Thị Xuân		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	trị nang xương hàm tại khoa Răng hàm mặt Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng năm 2023			Quỳnh	Lưu Bảo Linh		- 2024		nghiệm thu
70.	Kết quả điều trị tuỷ răng hàm lớn thứ nhất hàm dưới chỉ định điều trị nội nha không phẫu thuật có sử dụng gutta flow bioseal	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Nhung	Đoàn Trung Hiếu		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
71.	Nhận xét kết quả cấy ghép implant vùng răng sau hàm trên ở bệnh nhân nâng xoang kín bằng thủy lực có ghép xương	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Đức Tín	Vũ Quang Hưng Lê Tất Thanh Hương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
72.	Thực trạng bệnh sâu chân răng ở người cao tuổi tới khám tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và một số yếu tố liên quan, năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thu Hà	Lê Thị Thùy Ly SV. Lê Thị Hiệp, Lê Thành Nam		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
73.	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng khớp cắn của bệnh nhân mòn cổ răng hàng loạt	KHCN	Cơ sở	Phan Thị Thanh Giang	Trần Thị Quỳnh Trang		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
74.	Nhận xét kết quả và một số yếu tố liên quan đến điều trị u xơ xương hóa xương hàm.	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Trường Thịnh	Lê Thị Thùy Ly		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
75.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan tới suy giãn tĩnh mạch chi dưới của công nhân chế biến thủy sản Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Văn Tâm Đoàn Thị Phương			2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
76.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến rối loạn thần kinh tâm thần của thuyền viên vận tải viễn dương đến khám sức khoẻ tại Viện Y học biển năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đỗ Thị Hải Đỗ Thị Huế			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
77.	Thực trạng bệnh tật và nhu cầu sử dụng các phương pháp y học cổ truyền trong điều trị bệnh ở người cao tuổi phường Đồng Quốc Bình năm 2022-2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thu Hiền	Vũ Thị Ngoan Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Hoàng Anh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
78.	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị của phương pháp Nhĩ châm kết hợp với Laser nội mạch trên bệnh nhân rối loạn giấc ngủ	KHCN	Cơ sở	Đoàn Mỹ Hạnh	Nguyễn Thị Kim Huệ SV YHCT K3		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
79.	Kết quả điều trị của phương pháp điện châm kết hợp bài tập vận động Nguyễn Văn Hưởng trong điều trị hội chứng thắt lưng hông tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2022-2023	KHCN	Cơ sở	Lê Ngọc Sơn	Nguyễn Thị Hường SV YHCT K3		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
80.	Mô tả các thể lâm sàng Y học cổ truyền của bệnh nhân đau dây thần kinh Tọa điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nguyễn Thị Kim Trung (SV YHCT K3)		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
81.	Kết quả điều trị bằng điện châm, xoa bóp, kết hợp túi chườm Hapaku trên bệnh nhân đau lưng do thoái hóa cột sống	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	SV: Nguyễn Nhật Long		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
82.	Nhận xét các dạng thể chất Y học cổ truyền và một số đặc điểm của tạng tiết mồ hôi tay chân trên sinh viên trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thuý	SV: Bùi Phương Linh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
83.	Nhận xét tác dụng của điện châm, xoa bóp bấm huyệt kết hợp bài tập McGill trên bệnh nhân đau lưng do thoái hóa cột sống	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Huệ			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
84.	Kết quả điều trị của phương pháp điện châm, thủy châm kết hợp với bài tập McKenzie trên bệnh nhân Đau thần kinh tọa do thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Thu Hiền	SV: Hoàng Thị Pha		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
85.	Mô tả đặc điểm lâm sàng và ảnh hưởng của thống kinh đến chất lượng cuộc sống của nữ sinh Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Nhi	SV: Nguyễn Thị Hải Yến. Phạm Thị Huệ		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
86.	Nhóm thể chất y học cổ truyền của sinh viên Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Vi Thuý Tiên	Lê Thanh Huyền Nguyễn Thị Tính		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
87.	Mô tả các thể lâm sàng bệnh nhân tai biến mạch máu não giai đoạn hồi phục tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng năm 2022-2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Hồng Thái	SV YHCT K3. Phan Thị Hiếu Kiên		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
88.	Mô hình bệnh tật và thực trạng điều trị tại khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ 6/2022 - 6/2023	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Ngoan			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
89.	Đánh giá tác dụng của phương pháp điện châm kết hợp nhĩ châm trong điều trị rối loạn giấc ngủ thể can đởm hỏa vượng tại Khoa Ngũ quan - Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng.	KHCN	Cơ sở	Hoàng Thị Huyền Trang			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
90.	Đánh giá tác dụng của phương pháp giác hơi kết hợp điện châm điều trị hội chứng cổ vai cánh tay tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2021 - 2023	KHCN	Cơ sở	Khúc Thị Song Hương	SV YHCT K3. Phạm Thị Minh Hằng		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
91.	Khảo sát thể lâm sàng YHCT của bệnh nhân mắc hội chứng cổ vai cánh tay điều trị tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng năm 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Hồng Ngọc	Vũ Minh Hiền Nguyễn Thị Thanh Hoa		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
92.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị thoái hóa khớp gối nguyên phát tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng năm 2022-2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Phụng			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
93.	Thực trạng chất lượng cuộc sống và một số	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị	Cáp Minh Đức, Bùi		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại huyện Vân Đồn, Quảng Ninh năm 2023			Thắm	Ngọc Liên		- 2024		nghiệm thu
94.	Thực trạng bạo lực trên cơ sở giới và các yếu tố liên quan trên phụ nữ bán dâm tại Hải Phòng, Việt Nam	KHCN	Cơ sở	Hoàng Thị Giang	Phạm Thị Ngọc, Nguyễn Minh Ngọc, Phạm Minh Khuê, Hoàng Thị Hoa Lê, Phạm Thị Nguyên		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
95.	Thực trạng kiến thức, thực hành về sử dụng thuốc corticoid và một số yếu tố liên quan trên phụ nữ sau mãn kinh đang điều trị bệnh lý Cơ Xương Khớp tại Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thanh Hải	Nguyễn Quang Đức		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
96.	Thực trạng và kết quả can thiệp kiến thức về cận thị ở học sinh trung học cơ sở tại Hưng Yên, năm 2023	KHCN	Cơ sở	Dương Thị Hương	Dương Thị Hương, Nguyễn Quang Đức, Nguyễn Văn Khá		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
97.	Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành vệ sinh bàn tay của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Thúy Hà	Hoàng Thị Thuận		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
98.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến bạo lực trẻ em trong gia đình tại Huyện An Dương, Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Chu Khắc Tân	Chu Khắc Tân		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
99.	Thực trạng hoạt động hỗ trợ người học ở sinh	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị	Nguyễn Thị Thắm,		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	viên năm 2 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023.			Thủy Linh	Phạm Mai Linh, Hoàng Thị Hoa Lê, Nguyễn Minh Ngọc, Vũ Đức Minh		- 2024		nghiệm thu
100.	Kiến thức, thái độ, thực hành về sử dụng muối trong khẩu phần ăn của người dân phường Đông Khê, Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Cáp Minh Đức	Lương Vũ Ngọc Mai		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
101.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến mất cân bằng giới tính khi sinh tại xã Đặng Cương, huyện An Dương, Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Hoàng Thị Thuận	Hoàng Thị Hoa Lê, Nguyễn Minh Ngọc, Trịnh Thanh Xuân		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
102.	Thực trạng sử dụng thuốc lá, thuốc lá điện tử và một số yếu tố liên quan ở học sinh trường THPT Hải An, Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Minh Khuê	Nguyễn Thị Thắm, Ngô Tùng Lâm, Trần Thị Thanh Thuỷ		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
103.	Thực trạng tiêu chảy cấp và một số yếu tố liên quan ở trẻ dưới 5 tuổi tại Khoa Nội nhi Bệnh viện Sản Nhi Hưng Yên năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Văn Hán	Nguyễn Minh Ngọc, Cáp Minh Đức		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
104.	Thực trạng nhiễm HIV và một số yếu tố liên quan đến hành vi lây nhiễm trong phụ nữ bán dâm và nam quan hệ tình dục đồng giới tại Hải Phòng năm 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Bích Hôi	Nguyễn Duy Hùng, Trần Thị Hòa, Ngô Hương Ly		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
105.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị	Lê Nhật Hoa,		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	đầu hiệu rối loạn giấc ngủ của bệnh nhân nội trú tại Trung tâm Y tế huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, năm 2023			Thanh Bình	Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Thu Thảo, Hoàng Thị Hoa Lê		- 2024		nghiệm thu
106.	Nhận thức, thái độ về tiêu dùng xanh, bảo vệ môi trường theo mục tiêu phát triển bền vững và một số yếu tố liên quan của học sinh trung học phổ thông Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Minh Ngọc	SVY6. Nguyễn Thị Phương Trang, Nguyễn Trọng Luân, Nguyễn Thị Thu Thảo, Nguyễn Thị Thanh Bình		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
107.	Chuẩn hóa bộ câu hỏi Geriatric Depression Scale (Short form)-GDS 15	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thu Thảo	Quách Thị Hà, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Thị Hoa Lê		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
108.	Thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan của trường THPT Cộng Hiền và Trung tâm giáo dục thường xuyên Vĩnh Bảo, Hải Phòng năm 2023.	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Ngọc	Hoàng Thị Giang, Phạm Khánh Linh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
109.	Thực trạng kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan tới phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn của người dân huyện Thanh	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Quang Đức	Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thanh Hải		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	Hà, thành phố Hải Dương năm 2023								
110.	Ứng dụng một số bài tập phát triển thể lực chung cho nam sinh viên K44 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm học 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Trần Quý	Phạm Tuấn Linh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
111.	Thực trạng rèn luyện thể thao ngoại khóa của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Y Dược Hải Phòng.	KHCN	Cơ sở	Hoàng Thị Bích Thủy	Vũ Đức Minh, Hà Thị Minh Phương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
112.	Đánh giá kết quả bài tập phát triển sức bền tốc độ cự ly 1000m của nam và 500m của nữ cho sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm học 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Nhữ Văn Thuần	Nguyễn Khánh Hưng		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
113.	Nghiên cứu chiết xuất và hoạt tính kháng vi sinh vật kiểm định của cao chiết lá ổi (Psidium Guajava) tại Văn Giang, Hưng Yên năm 2023	KHCN	Cơ sở	Bùi Ngọc Tân	Nguyễn Quang Thành		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
114.	Bước đầu nghiên cứu quy trình tinh chế Polyphenol từ chè xanh	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Cúc	Nguyễn Thị Hương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
115.	Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá khả năng đào thải arsen vô cơ trên dòng tế bào ung thư gan HepG2 tại phòng thí nghiệm độc chất - Khoa Dược- Đại học Y Dược Nha	KHCN	Cơ sở	Ngô Thanh Hường	Phan Minh Châu, Nguyễn Quang Thành		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	Okayama - Nhật Bản năm 2021 - 2022								
116.	Xây dựng qui trình thực nghiệm định lượng đồng trong nước tiểu bằng phương pháp động học xúc tác	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Văn Dưỡng	Nguyễn Thị Hương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
117.	Xây dựng website tin tức của Trung tâm mô phỏng lâm sàng trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Chăm	Phạm Thị Vân Anh Trịnh Anh Tuấn Bùi Thị Việt Hồng Trần Văn Trọng		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
118.	Tỷ lệ thai phụ mang gen G6PPD trong nhóm thai phụ thực hiện sàng lọc trước sinh tại Hải Phòng bằng kỹ thuật NIPT năm 2022-2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Tươi	Lê Thị Thu Huyền Nguyễn Thị Hải		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
119.	Tỷ lệ thai phụ mang đột biến gen ATP7B gây bệnh Wilson bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới tại Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Lê Thị Thu Huyền	Nguyễn Thị Hải Nguyễn Thị Tươi		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
120.	Phát hiện thai phụ mang đột biến gen 5 alpha reductase bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Hải	Nguyễn Thị Tươi Lê Thị Thu Huyền		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
121.	Kết quả sàng lọc và chẩn đoán trước sinh thai hội chứng Miller-Dieker qua siêu âm và kỹ thuật BoBs	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Hoàng Thảo Giang Trần Thị Thủy			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
122.	Giá trị của cộng hưởng từ 1.5 Tesla trong chẩn đoán tổn thương dây chằng chéo khớp	KHCN	Cơ sở	Hoàng Đức Hạ			2023 -		Đã nghiệm

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	gối tại Bệnh viện Đa Khoa Quốc tế Hải Phòng						2024		thu
123.	Nghiên cứu vai trò của chụp CLVT 768 dãy trong đánh giá chức năng tâm thu thất trái trên bệnh nhân có chỉ định chụp CLVT mạch vành tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phan Xuân Cường	Bùi Hoàng Tú, Phạm Thị Thu Huyền, Lê Quyết Chiến		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
124.	Nghiên cứu đặc điểm siêu âm, tế bào học của bướu nhân tuyến giáp TIRADS 3, 4, 5 ở bệnh nhân đến khám và điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Hồng Phúc			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
125.	Đặc điểm lâm sàng và giá trị của siêu âm, chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán viêm ruột thừa cấp tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Văn Long	Lê Thị Yến		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
126.	Đặc điểm thương tổn da và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân suy thận mạn lọc máu chu kì tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Liên	Hoàng Thị Làn, Đào Minh Châu		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
127.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh vẩy nến thể thông thường trên bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Việt Tiệp	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Đào Minh Châu, Hoàng Thị Làn		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
128.	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ cắt túi mật nội soi của gậy tê mặt phẳng cơ dựng sống tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Phạm Xuân Hùng	Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Quang Lợi		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
129.	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ đẻ bằng gậy tê cơ vuông thắt lưng tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thành	Nguyễn Thị Nga, Phạm Xuân Hùng, Đỗ Đức Chiến, Vũ Thị Nhài (BV), Nguyễn Thị Hoa (BV)		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
130.	Đặc điểm giải phẫu hệ thống tĩnh mạch cửa ở người trưởng thành bình thường bằng cắt lớp vi tính (CT Scanner)	KHCN	Cơ sở	Phạm Thành Nguyên	Trần Xuân Bách		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
131.	Nghiên cứu giá trị chẩn đoán sỏi niệu quản của siêu âm và Xquang bụng không chuẩn bị tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.	KHCN	Cơ sở	Lê Thị Yến	Nguyễn Thị Thanh Phương, Lê Văn Long, Nguyễn Công Toàn		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
132.	Thực trạng điều trị kiểm soát đường máu ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 có suy thận tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Xen	Trần Xuân Bách		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
133.	Mối tương quan giữa nồng độ Prealbumin, C-reaction protein với ure, creatinine và albumin trong huyết thanh của bệnh nhân	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Phương Mai	Dương Thị Minh Thoa		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kính phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	mắc bệnh thận mạn lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, năm 2023								
134.	Phát hiện người lành mang gen trong các gia đình có bệnh nhân Pompe	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nguyễn Thị Phương Mai, Vũ Chí Dũng, Trần Văn Khánh, Hoàng Thị Ngọc Lan, Tạ Thành Văn		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
135.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến bệnh nấm da ở bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2023	KHCN	Cơ sở	Võ Thị Thanh Hiền	Đinh Thị Thanh Mai, Trịnh Văn Khương, Nguyễn Thị Huyền Sương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
136.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm Candida spp. ở phụ nữ viêm đường sinh dục dưới tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đinh Thị Thanh Mai	Vũ Văn Thái, Võ Thị Thanh Hiền, Nguyễn Thị Huyền Sương, Đinh Thị Minh Thư, Trịnh Văn Khương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
137.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm phổi tại khoa Hô hấp tim mạch Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Huy Điện	Nguyễn Thị Hằng, Bùi Thị Trà My		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
138.	Đặc điểm và một số yếu tố liên quan tới tình trạng ho ra máu ở bệnh nhân lao phổi mới tại Bệnh viện Phổi Hải Phòng năm 2021-2022	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Trang	Đặng Thị Huệ, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Như		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
					Đại				
139.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân lao xương khớp tại Bệnh viện Phổi Hải Phòng 2019-2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Đức Thọ	Nguyễn Tuấn Anh, Đỗ Thi Hảo		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
140.	Tỷ lệ mắc và một số yếu tố liên quan đến bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính ở người dân từ 40 tuổi trở lên tại đảo Cát Hải năm 2022	KHCN	Cơ sở	Trần Quang Phục	Nguyễn Đức Thọ, Nguyễn Thị Trang, Phạm Trung Kiên		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
141.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị lao phổi mới ở người cao tuổi tại Hải Phòng năm 2022-2023	KHCN	Cơ sở	Trương Thành Kiên	Nguyễn Thị Thuỷ, Hà Minh Tâm, Đào Thanh Nhuận, Phạm Thị Vân, Mai Thị Thuý Hồng		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
142.	Tác dụng ngăn ngừa sự tái phát u tuyến đại-trực tràng của aspirin dạng uống bằng phương pháp tổng quan hệ thống và phân tích gộp mạng lưới	KHCN	Cơ sở	Hoàng Đình Khánh	Trần Thị Thanh Bình, Phạm Hồng Minh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
143.	Kết quả điều trị bơm tinh trùng vào buồng tử cung cho bệnh nhân vô sinh tại Khoa Phụ Sản - Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Phạm Hồng Minh	Bùi Văn Hiếu, Nguyễn Đình Lý		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
144.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và hình ảnh siêu âm u xơ tử cung ở bệnh nhân đến khám tại khoa Phụ sản, Bệnh viện Đại học Y Hải	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Thu Thuỷ	Đỗ Đình Tiệp, Trần Thị Thanh Bình, Phạm Hồng Minh,		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kính phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	Phòng năm 2023				Phạm Thị Thu				
145.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở người bệnh có hội chứng rối loạn chuyển hóa tại phòng khám Đa khoa Trung Hà năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đỗ Đình Tiệp	Phạm Thị Thu Thủy, Khổng Thị Vân Anh, Phạm Hồng Minh, Trần Thị Thanh Bình, Hoàng Đình Khánh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
146.	Nhận xét đặc điểm nội soi và Mô bệnh học của Polyp Đại trực tràng tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Khổng Thị Vân Anh	Đỗ Đình Tiệp, Trần Thị Thanh Bình, Mai Thị Là, Bùi Thị Mỹ Hạnh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
147.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân u quái trưởng thành (<i>Mature teratoma</i>) tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Phương	Trần Thị Thanh Bình, Bùi Thị Mỹ Hạnh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
148.	Kết quả phẫu thuật ban đầu điều trị phình đại tràng bẩm sinh qua đường hậu môn một thì đơn thuần	KHCN	Cơ sở	Đào Thị Ngọc Anh			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
149.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị sỏi bể thận bằng phương pháp tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Hoàng Hữu Đoàn	Lê Thế Sơn		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
150.	Kết quả điều trị tăng sinh lành tính tiền liệt	KHCN	Cơ sở	Phạm Quốc			2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	tuyến có khối lượng trên 80 gram bằng cắt đốt nội soi Bipolar qua đường niệu đạo tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2021 - 2023			Hiệu			- 2024		nghiệm thu
151.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả phẫu thuật nội soi điều trị thủng ổ loét dạ dày - tá tràng tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Phạm Văn Duyệt	Nguyễn Quang Tuyền		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
152.	Kết quả phẫu thuật cắt một thùy tuyến giáp điều trị ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú giai đoạn sớm tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Nhung			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
153.	Nhận xét kết quả điều trị gãy kín khối máu chuyển xương đùi bằng nẹp vít khóa có hỗ trợ màn hình tăng sáng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	KHCN	Cơ sở	Trịnh Đình Thanh			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
154.	Kết quả điều trị phẫu thuật nội soi u tuyến yên bằng đường mổ qua xoang bướm tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	KHCN	Cơ sở	Vũ Đình Nam			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
155.	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị vết thương bàn ngón tay tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Thanh Trúc			2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kính phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
156.	Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị bệnh trĩ độ III bằng phương pháp Longo tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Phạm Văn Thương	Nguyễn Đại Quảng, Đào Thị Ngọc Anh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
157.	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân xoắn tinh hoàn được phẫu thuật tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2023	KHCN	Cơ sở	Hoàng Bảo Ngọc Cương			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
158.	Kết quả phẫu thuật nội soi điều trị ung thư đại tràng Sigma triệt căn tại Bệnh viện Trung Ương Quân Đội 108	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Đại Quảng	Lê Thế Sơn		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
159.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư bàng quang nông tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức từ tháng 8- 2022 đến tháng 8-2023.	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Quang Tuyền			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
160.	Kết quả phẫu thuật nội soi điều trị ung thư đại tràng phải tại Bệnh viện Trung Ương Quân Đội 108	KHCN	Cơ sở	Trần Tiến Thành			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
161.	Kết quả điều trị phẫu thuật vỡ phồng động mạch chủ bụng dưới thận tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	KHCN	Cơ sở	Hoàng Anh Công			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
162.	Đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh và kết quả phẫu thuật nội soi điều trị rách gân cơ	KHCN	Cơ sở	Phạm Tâm Long			2023 -		Đã nghiệm

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	chóp xoay tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108						2024		thu
163.	Đánh giá kết quả phẫu thuật bằng nẹp khóa móc điều trị trật khớp cùng đòn ở người lớn tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Phan Văn Tuấn			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
164.	Kết quả ban đầu phẫu thuật nội soi lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu đường mật tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	KHCN	Cơ sở	Bùi Văn Dương			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
165.	Kết quả điều trị phẫu thuật xuất huyết não do tai biến mạch não tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Ngọc Hùng	Vũ Đình Nam		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
166.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị phẫu thuật gãy kín Monteggia ở người lớn bằng kết hợp xương nẹp vít tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Bình Khương			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
167.	Kết quả tạo hình khuyết hồng vùng cổ bàn chân tại Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Đức Tiến	Vũ Thị Thanh Trúc		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
168.	Thực trạng thừa cân/béo phì và một số yếu tố liên quan tại Phòng khám Dinh dưỡng Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đặng Văn Chúc	Đồng Thị Phương Thuý, Nguyễn Thị Hoa, Phạm Thị Vân		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
169.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả	KHCN	Cơ sở	Chidpasak	Chidpasak somnuek,		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	điều trị viêm tiểu phế quản cấp tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022			Somnuek	Inthavong Darling, Bounyavong Bounxay, Vangpor Yerkhang, Thongkham Seepasert		- 2024		nghiệm thu
170.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của trẻ mắc viêm thanh quản cấp tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Phạm Thanh Hương	Phạm Thanh Hương, Hoàng Thị Ngọc Yến, Phạm Thị Mỹ Linh, Nguyễn Thị Ngọc Anh, Đào Hoàng Giang		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
171.	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Quỳnh Vân	Phạm Thị Thanh Hà		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
172.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh nhi sốt xuất huyết tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022 -2023	KHCN	Cơ sở	Chu Thị Hà	Tiên Hạnh Nhi, Hà Minh Tâm, Trần Thị Bích Huệ, Vũ Thị Yến		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
173.	Kết quả điều trị viêm tụy cấp tại ở trẻ em Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Trần Đức Tâm	Nguyễn Thành Trung		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
174.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, các yếu tố liên quan và kết quả điều trị trẻ bị sốt xuất huyết Dengue tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Yến	Nguyễn Mai Phương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
175.	Đánh giá kiến thức, thực hành xử trí sốt cho trẻ dưới 5 tuổi của người chăm sóc trẻ và một số yếu tố liên quan tại khoa Tự nguyện B - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2023.	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thúy Hương	Đinh Dương Tùng Anh, Hoàng Thị Thảo, Triệu Ngọc Thảo, SV Phạm Đức Đức		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
176.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm phổi thùy tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Đinh Dương Tùng Anh	Trần Thị Thanh Hằng, Hoàng Ngọc Anh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
177.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu tiên phát tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Lê Thị Huyền Trang	Nguyễn Thị Thúy Hương; Đinh Dương Tùng Anh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
178.	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và kết quả điều trị cúm mùa ở trẻ em tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Trần Huy Duy	Nguyễn Ngọc Mạnh, Nguyễn Thành Chung, Phạm Thị Thanh Hà		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
179.	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm tiểu phế quản có nhiễm	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thành Trung	Đinh Dương Tùng Anh, Trần Đức Tâm		2023 -		Đã nghiệm

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kính phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	RSV tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022						2024		thu
180.	Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành của bà mẹ có con co giật do sốt điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Việt Hà	Triệu Ngọc Thảo		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
181.	So sánh tiến trình lâm sàng và đáp ứng điều trị hỗ trợ ở hai bệnh nhi dày móng bẩm sinh do đột biến gen Keratin K6A và K17	KHCN	Cơ sở	Vũ Văn Quang			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
182.	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, biến chứng và nhận xét kết quả điều trị của bệnh nhân sơ sinh viêm phổi nặng tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Ánh Hồng	Chu Thị Hà, Nguyễn Việt Hà		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
183.	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và biến chứng của bệnh Thủy đậu tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Ngọc Sáng	Bùi Kim Thuận, Nguyễn Thị Phương Thảo		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
184.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố nguy cơ ở bệnh nhân suy thượng thận mạn do lạm dụng glucocorticoid tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2023	KHCN	Cơ sở	Kê Thị Lan Anh	Trần Thị Thanh Vân		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
185.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và sự biến đổi cytokine huyết thanh ở bệnh nhân viêm phổi cộng đồng	KHCN	Cơ sở	Lê Thị Diệu Hiền	Trần Thanh Vân, Lương Thanh Nhã, Trịnh Thị Ngân		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
186.	Đánh giá kết quả điều trị Đa u tủy xương tái phát bằng phác đồ Bortezomid- Cyclophosphamid- Dexamethasone tại khoa Huyết học lâm sàng năm 2021-2023	KHCN	Cơ sở	Đoàn Thị Út	Đoàn Đức Mạnh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
187.	Thực trạng nuôi cấy đờm và kết quả kháng sinh đồ theo phương pháp thông thường ở bệnh nhân mắc bệnh hô hấp tại khoa Nội 2 Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2022	KHCN	Cơ sở	Trịnh Hồng Nhung			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
188.	Đánh giá thực trạng tiêm vaccin phòng nhiễm các tác nhân gây bệnh hô hấp trên bệnh nhân COPD tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Thu Hương	Phạm Minh Nguyệt, Lương Thanh Nhã, Phạm Thị Hiên		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
189.	Vai trò của siêu âm Doppler mạch máu chi trên trong hướng dẫn tạo thông nối động – tĩnh mạch cho bệnh nhân lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	KHCN	Cơ sở	Vũ Mạnh Tân	Đàm Thị Hương Liên, Nguyễn Thị Hương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
190.	Kết quả điều trị diệt trừ <i>Helicobacter pylori</i> bằng phác đồ PPI + Amoxicillin + Levofloxacin + Bismuth tại bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2023	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Thu Trang	Nguyễn Thu Thùy		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
191.	Đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính ở	KHCN	Cơ sở	Lê Thị Quyên			2023 -		Đã nghiệm

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	bệnh nhân trên 40 tuổi điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2022- 2023						2024		thu
192.	Tình hình nhiễm <i>Helicobacter pylori</i> tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đinh Thị Kim Anh	Ngô Duy Hưng		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
193.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nhân Gout tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2023	KHCN	Cơ sở	Hoàng Thị Trang	Nguyễn Thu Thủy, Lê Thị Hải		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
194.	Đánh giá hiệu quả của bài tập bước trên bệnh nhân thay khớp háng nhân tạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Bùi Thị Bích Ngọc	Lâm Ngọc Trâm		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
195.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hiệu quả điều trị bằng thuốc NSAIDs- Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng bệnh nhân thoái hóa khớp gối độ 2-3.	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	SVK39G. Lã Tuấn Anh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
196.	Đánh giá kết quả phục hồi chức năng khớp gối sau phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo trước theo chương trình Bringham women's hospital tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thanh Nga			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
197.	Kết quả điều trị phục hồi chức năng kết hợp nội khoa trên bệnh nhân viêm quanh khớp vai thể đông cứng tại Bệnh viện Đại học Y	KHCN	Cơ sở	Đoàn Thị Thanh Hà			2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	Hải Phòng								
198.	Đánh giá kết quả hoạt động trị liệu trong phục hồi chức năng vận động chi trên ở bệnh nhân nhồi máu não tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Lâm Ngọc Trâm	Bùi Thị Bích Ngọc Nguyễn Thị Thanh Nga		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
199.	Thực trạng chức năng thăng bằng ở bệnh nhân sau đột quỵ não tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Huệ	Bùi Thị Bích Ngọc		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
200.	Nhận xét kết cục thai kì của thai phụ được tiêm Vacxin Pfizer ngừa Covid 19 từ 13 tuần thai kỳ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Thái Thị Huyền			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
201.	Tính giá trị và độ tin cậy của các công cụ lượng giá vòng luân khoa Sản Phụ khoa 1 cho sinh viên năm 4 dự án HPET trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Mai Phương			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
202.	Xác định một số yếu tố ở quý 1 tiên lượng tiểu đường thai kỳ của các thai phụ khám thai tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Bùi Văn Hiếu	Bùi Tùng Lâm		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
203.	Đặc điểm Karyotype ở các cặp vợ chồng có tiền sử sảy thai, thai lưu đến khám tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng từ tháng 10/2019 đến tháng 9/2021.	KHCN	Cơ sở	Lê Anh Nam			2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
204.	Nghiên cứu giá trị dự báo sinh non của góc cổ tử cung ở thai phụ đơn thai tuổi thai từ 16 đến 24 tuần.	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Hoàng Trang	Bùi Phúc Thịnh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
205.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị chữa vết mổ tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2022-2023	KHCN	Cơ sở	Đào Thị Hải Ly	Nguyễn Thị Mai Phương		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
206.	Kết quả các thăm dò cổ tử cung trên bệnh nhân nhiễm Human Papilloma Virus các type nguy cơ cao tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thủy	Trần Thu Hà		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
207.	Kết quả điều trị sa sinh dục độ III bằng phương pháp phẫu thuật crossen tại Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng năm 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Thanh Nhân	Trịnh Việt Hòa		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
208.	Thực trạng khám phát hiện và điều trị các trường hợp lạc nội mạc tử cung tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng trong 2 năm 2021 - 2022	KHCN	Cơ sở	Đào Thị Hải Yến	Nguyễn Thị The		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
209.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nhân dính buồng tử cung tại Bệnh viện Phụ sản Hải phòng năm 2021 -2023	KHCN	Cơ sở	Bùi Phúc Thịnh	Nguyễn Quang Toàn		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
210.	Kết quả phẫu thuật khối u tuyến vú tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Trần Văn Đức	Lê Phi Đại, SV. Lê Xuân Tiến		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
211.	Nghiên cứu về hiệu quả phác đồ phá thai nội khoa trong thời gian từ tháng 11/2022 đến tháng 4/2023 tại khoa Sản bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Lê Đắc Hiệp			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
212.	Thực trạng học tập ngoài giờ của sinh viên Y đa khoa K40 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đào Thu Hồng	Phạm Thị Nguyên, Trần Thị Quỳnh Trang, Đào Thu Hằng, Đào Thị Thu Loan		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
213.	Thực trạng nhiễm Helicobacter Polori và hình ảnh nội soi dạ dày-tá tràng ở bệnh nhân nghiện rượu tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Đào Thị Thu Loan	Đào Thu Hồng, Trần Thị Quỳnh Trang		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
214.	Mô hình gây tăng lipid máu trên chuột thực nghiệm bằng hỗn hợp giàu Cholesterol	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Kim Hương	Nguyễn Thị Kim Hương, Phùng Chí Thiện, Phạm Thị Thanh Dung		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
215.	Nồng độ MMP-9 trong huyết tương thai phụ tiền sản giật	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Thu Hằng	Lê Thị Nhung		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
216.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến hen phế quản	KHCN	Cơ sở	Phạm Văn Thúc	Nguyễn Dương Truyền, Phạm Bích		2023 -		Đã nghiệm

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	điều trị ngoại trú tại Viện Y học biển Việt Nam				Ngọc, Nguyễn Thị Thuỳ		2024		thu
217.	Biến thiên huyết áp trong ngày trên đối tượng người lớn trẻ tuổi	KHCN	Cơ sở	Phạm Văn Linh			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
218.	Đánh giá kết quả sau can thiệp thở áp lực dương liên tục trên đối tượng mắc hội chứng chuyển hóa có ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Hồng Liên	Phạm Văn Linh, Phạm Trung Đức, Phạm Thị Thanh Huyền, Trần Thị Thu Hằng		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
219.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị ở bệnh nhân suy tim điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Khuyên	Phạm Huy Quyến, SVK40I. Lê Minh Tuấn, Đào Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Ngọc Hồng		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
220.	Kiến thức, thực hành về đại tháo đường của bệnh nhân và nhân viên y tế tại Khoa Khám bệnh - Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Vũ Thị Hồng			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
221.	Hoạt tính của tế bào diệt tự nhiên NK ở người bình thường	KHCN	Cơ sở	Phạm Huy Quyến			2023 - 2024		Đã nghiệm thu

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
222.	Kết quả tiêm Triamcilonon tại chỗ sau phẫu thuật vi phẫu thanh quản điều trị các tổn thương lành tính dây thanh	KHCN	Cơ sở	Tạ Hùng Sơn	Vũ Văn Sản, Trần Thị Thanh Thuý		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
223.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả cắt Amidan bằng dao điện đơn cực tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng từ năm 2018 - 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Quang Đạo	Trần Thị Thanh Thuý, Phùng Thị Vân Anh, Bùi Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Tịnh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
224.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị Viêm tai giữa cấp tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Phạm Thanh Hải			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
225.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố ảnh hưởng đến trạng thái kích động ở bệnh nhân tâm thần phân liệt điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Phạm Văn Mạnh	Vương Thị Thuý, SV. Nguyễn Thị Nhung, Lương Thị Mai Loan		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
226.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng bệnh nhân tái nghiện rượu điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Đoàn Thị Như Yến	Nguyễn Quang Đại, SV. Phạm Thị Út		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
227.	Nghiên cứu thực trạng chất lượng cuộc sống và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đang điều trị methadone tại Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Lê Sao Mai	Lê Anh Duy, Nguyễn Quang Thanh, Vũ Thị Mến		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
228.	Đặc điểm lâm sàng bệnh nhân rối loạn hỗn	KHCN	Cơ sở	Lương Thị	Vương Thị Thuý,		2023		Đã

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kính phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	hợp lo âu và trầm cảm điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng 2023			Mai Loan	Nguyễn Quang Đại		- 2024		nghiệm thu
229.	Đặc điểm lâm sàng ảo giác ở bệnh nhân rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng rượu tại Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Vương Thị Thủy	Lương Thị Mai Loan, SV. Nguyễn Thị Hạnh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
230.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của chảy máu não điều trị tại khoa Thần kinh - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp từ năm 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Tuấn Lượng	Vũ Thị Phương Thảo		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
231.	Thực trạng trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân nhồi máu não tại khoa Thần kinh Bệnh viện Việt Tiệp từ tháng 9/2021 đến tháng 6/2022	KHCN	Cơ sở	Đào Thị Hồng Hải	Trần Thanh Vân		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
232.	Đặc điểm lâm sàng bệnh nhân đau đầu nguyên phát tại Khoa Khám bệnh Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng từ 01/2023 đến 06/2023	KHCN	Cơ sở	Chu Thị Thuận			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
233.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố tiên lượng ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết do E.coli điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2022 – 2023.	KHCN	Cơ sở	Hoàng Thị Thía			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
234.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue	KHCN	Cơ sở	Trần Thị Liên	Trần Thanh Vân Tô Thị Hằng Nga		2023 -		Đã nghiệm

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	điều trị tại khoa Bệnh nhiệt đới, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, năm 2022				Lê Thị Hòa		2024		thu
235.	Đánh giá kết quả điều trị ung thư vú tái phát di căn bằng phác đồ Gemcitabine-Carboplatin tại trung tâm Ung bướu Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Phương Thảo	Trịnh Thị Bích Ngọc		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
236.	Đánh giá kết quả điều trị bước đầu ung thư đại tràng di căn bằng phác đồ có Oxaliplatin kết hợp Bevacizumab tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng năm 2022 - 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Hồng Hà	Trịnh Thị Bích Ngọc		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
237.	Đánh giá một số tác dụng phụ trên bệnh nhân ung thư vòm điều trị hóa xạ đồng thời	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Đức Hưng			2023 - 2024		Đã nghiệm thu
238.	Thực trạng nhiễm khuẩn do Klebsiella pneumoniae kháng Carapenem tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp 2021-2022.	KHCN	Cơ sở	Phạm Thị Tâm	Phạm Thị Tâm, Trần Đức, Lại Thị Quỳnh, Vũ Thị Nữ, Nguyễn Thị Thanh Phượng		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
239.	Thực trạng nhiễm khuẩn do Escherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2022.	KHCN	Cơ sở	Trịnh Thị Hằng	Vũ Thị Nữ, Nguyễn Ngọc Mỹ Trinh, Trần Đức, Lại Thị Quỳnh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
240.	Báo cáo loạt ca bệnh nặng xin về sau khi điều trị tại khoa Hồi sức Bệnh viện Đại học Y Hải	KHCN	Cơ sở	Trịnh Thị Lý	Nguyễn Đức Trung		2023 -		Đã nghiệm

STT	Tên danh mục dự án, đề tài NCKH	Nhiệm vụ	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	Phòng						2024		thu
241.	Thực trạng và kết quả điều trị tiền đái tháo đường tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Văn Thành	Đoàn Như Thắng, Vũ Thị Hồng		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
242.	Thực trạng suy giảm năng lực nội tại ở người cao tuổi đến khám tại khoa Khám bệnh bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thùy Linh	Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Thị Thúy Hiếu, Nguyễn Hải Ninh, Bùi Thị Huệ		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
243.	Thực trạng tuân thủ sử dụng thuốc và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân cao tuổi tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thúy Hiếu	Trần Đức Trung, Nguyễn Thùy Linh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
244.	Kết quả tán sỏi niệu quản bằng phương pháp nội soi laser tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2022	KHCN	Cơ sở	Phùng Văn Duyên	Trần Đức Trung, Ngô Mỹ Hằng, Nguyễn Thị Hạnh, Đỗ Thị Huyền		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
245.	Thực trạng loãng xương và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KHCN	Cơ sở	Bùi Hồng Nhung	Vũ Thị Mai Anh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu
246.	Cơ cấu bệnh tật tại phòng khám Bác sĩ gia đình Bệnh viện Đại học y Hải Phòng năm 2023	KHCN	Cơ sở	Nguyễn Thị Thanh Thim	Vũ Thị Mai Anh		2023 - 2024		Đã nghiệm thu

b. Công trình nghiên cứu khoa học được công bố

TT	Công trình công bố	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	197	
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	45	
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	1	
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	

c. Kết quả chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp

TT	Kết quả chuyển giao tri thức/công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng công trình chuyển giao tri thức	0	
2	Số lượng công trình chuyển giao công nghệ	0	
3	Số lượng các hoạt động liên quan đến khởi nghiệp	0	
	Tổng	0	

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải